

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 22 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế tổ chức
họp Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019 để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - 2019

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST).

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHI THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tham dự Đại hội

1- Cổ đông phổ thông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với 01 phiếu biểu quyết. Trường hợp Cổ đông vì lý do riêng không đến dự họp thì có thể ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu quy định) cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

2- Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019 của PC3-INVEST thông báo công khai chương trình Đại hội, các báo cáo và tờ trình tại Đại hội. Những ý kiến của Cổ đông/đại diện Cổ đông tại Đại hội sẽ được thảo luận công khai.

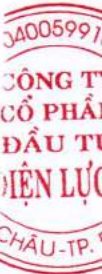
3- Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau: Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu; Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách Cổ đông, Cổ đông/đại diện Cổ đông đến dự Đại hội sẽ được nhận Phiếu biểu quyết (trong Phiếu biểu quyết có ghi Mã cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông đó). Giá trị biểu quyết của Cổ đông/đại diện Cổ đông tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Đại biểu có mặt tại Đại hội.

4- Cổ đông/đại diện cổ đông dự Đại hội sau khi nghe các báo cáo và tờ trình được nêu trong chương trình họp sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.

5- Cổ đông/đại diện Cổ đông đến dự Đại hội sau khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự họp với Ban tổ chức và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông/ đại diện Cổ đông đó đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

6- Cổ đông/đại diện Cổ đông đến dự Đại hội phải tuân thủ các quy định tại quy chế này, nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.



Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức và Ban kiểm tra tư cách cổ đông
Ban tổ chức và Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử.

- Ban tổ chức đón tiếp, phát tài liệu, Phiếu biểu quyết và bố trí chỗ ngồi cho Cổ đông/đại diện Cổ đông đến dự Đại hội.

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông nhận giấy tờ Cổ đông đến dự họp, đối chiếu với danh sách Cổ đông có quyền dự họp đã được chốt ngày 03/4/2019; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa. Chủ tọa điều khiển cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội thông qua; Tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận; Giải quyết các vấn đề phát sinh trong thời gian cuộc họp tiến hành.

2. Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định. Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực, chính xác các nội dung của Đại hội, tiếp nhận các phiếu góp ý kiến của Cổ đông/ đại diện Cổ đông.

- Công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

Chủ tọa giới thiệu Ban kiểm phiếu và thông qua Đại hội bằng biểu quyết.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ giám sát, ghi nhận kết quả biểu quyết của Cổ đông/đại diện Cổ đông tham dự Đại hội; Phổ biến, hướng dẫn nguyên tắc biểu quyết; Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung, lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả trước Đại hội.

CHƯƠNG III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết theo danh sách đã chốt (theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty).

- Đại hội sẽ lần lượt nghe các báo cáo và tờ trình theo chương trình của Đại hội và tiến hành thảo luận, biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình.

- Cổ đông/đại diện Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến về một vấn đề phải được thông qua Đại hội, bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết.

Điều 9: Cách thức phát biểu ý kiến tại Đại hội

Các Cổ đông/ đại diện Cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến phải được sự chấp thuận của Chủ tọa. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

Cổ đông/ đại diện Cổ đông tham dự Đại hội có thể gửi phiếu góp ý kiến về Chủ tọa. Phiếu góp ý kiến có giá trị như bài phát biểu trực tiếp tại Đại hội.

CHƯƠNG IV: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 10: Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết tán thành như sau:

Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu và phương án chào bán cổ phiếu năm 2019: đạt tỷ lệ tối thiểu từ 65% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành (theo quy định tại khoản 1 Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2014 và khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty).

Thông qua các vấn đề khác: đạt tỷ lệ tối thiểu từ 51% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành (theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2014 và khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty).

Điều 11: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12: Quy chế này gồm 5 Chương 12 Điều, được thông qua và có hiệu lực tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên - 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 23 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD - ĐTXD năm 2018
và nhiệm vụ năm 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2018,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả hoạt động SXKD - ĐTXD năm 2018 và nhiệm vụ năm 2019 để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD - ĐTXD NĂM 2018 VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2019

PHẦN I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD - ĐTXD NĂM 2018

Theo kế hoạch SXKD - ĐTXD năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 có nhiệm vụ trọng tâm là: tổ chức vận hành an toàn - hiệu quả nhà máy thủy điện Đăk Pône (14MW); thi công hoàn thành đưa vào khai thác nhà máy thủy điện Đa Krông 1 (12MW); chuẩn bị các điều kiện cho công tác ĐTXD các dự án mới. Tình hình hoạt động của Công ty diễn ra trong những điều kiện sau:

a. Về thuận lợi: Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các cổ đông, đặc biệt là Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực miền Trung, sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý nhà nước ở các tỉnh Quảng Trị, Kon Tum trong công tác SXKD và ĐTXD.

b. Về khó khăn: Thời tiết khu vực miền Trung biến đổi bất thường, khô hạn kéo dài trong 6 tháng cuối năm, thiếu nước để phát điện. Tình trạng hoạt động thiết bị của nhà máy thủy điện Đa Krông 1 chưa ổn định làm ảnh hưởng đến công tác vận hành của nhà máy.

Với tinh thần khắc phục khó khăn, toàn thể lãnh đạo và CBCNV của Công ty đã nỗ lực, thực hiện nhiều giải pháp và đạt được các kết quả như sau:

I.1. Công tác sản xuất kinh doanh điện năng

Tổng sản lượng điện thương phẩm là 89,45 triệu kWh, đạt 90,57% kế hoạch (trong đó, NMTĐ Đăk Pône phát 65,66 triệu kWh và NMTĐ Đa Krông 1 phát 23,79 triệu kWh); tổng doanh thu đạt 106,75 tỷ đồng (đạt 99,27% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế đạt 28,88 tỷ đồng, vượt 23,66% kế hoạch. Công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị và hạng mục thủy công được thực hiện chủ động, đảm bảo theo kế hoạch đề ra. Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất tiếp tục có nhiều hiệu quả; công tác an toàn vệ sinh lao động được thực hiện đảm bảo, không để xảy ra tai nạn lao động.

Trong năm, có 5 đoàn thanh - kiểm tra từ cấp Chính phủ, các Bộ, ngành của địa phương về chấp hành pháp luật trong công tác an toàn đập, bảo vệ môi trường, chất thải nguy hại, PCCC và cứu nạn cứu hộ... tại NMTĐ Đa Krông 1 và Đăk Pône. Kết quả thanh - kiểm tra của các đoàn đều đánh giá Công ty không có vi phạm, đã chủ động tuân thủ pháp luật có liên quan trong công tác vận hành các nhà máy thủy điện.

Bảng 1: Kết quả SXKD năm 2018

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
- Tổng sản lượng điện phát (triệu kWh)	98,76	89,45	90,57
- Giá bán điện bình quân (đồng/kWh)	1.086,86	1.184,89	109,02
- Tổng doanh thu	107.542,02	106.751,19	99,27

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
- Tổng chi phí	82.721,55	75.932,65	91,80
- Tổng lợi nhuận trước thuế	24.820,47	30.818,55	124,17
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.463,07	1.934,10	132,19
- Tổng lợi nhuận sau thuế	23.357,40	28.884,45	123,66

I.2. Công tác đầu tư xây dựng

I.2.1. Công trình nhà máy thủy điện Đa Krông 1

Công ty đã hoàn thành thi công, phát điện hòa lưới tổ máy H2 vào ngày 31/12/2017 và tổ máy H1 vào ngày 30/01/2018 đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và trình tự ĐTXD theo quy định của Nhà nước. Công tác tổ chức sản xuất đã dần ổn định, nhân viên vận hành nắm bắt và làm chủ được công nghệ của nhà máy, linh hoạt bố trí thời gian vừa sản xuất vừa dừng máy để khắc phục các tồn tại trong quá trình xây lắp nhưng vẫn tận dụng được nguồn nước để phát điện.

Công tác quyết toán vốn đầu tư đã cơ bản hoàn thành, đang được kiểm toán độc lập để quyết toán vốn đầu tư công trình.

I.2.2. Công trình nhà máy thủy điện Đắk Pône

Công ty đã hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch Dự án thủy điện Đắk Pône (quyết định số 2814/QĐ-BCT ngày 10/8/2018 của Bộ Công thương). Tuy nhiên, theo quy định mới về QLĐT dự án thủy điện, đã phát sinh thêm các công tác như: đánh giá lại tác động môi trường khi nâng đập hồ A (theo văn bản số 5080/TCMT-TĐ, ngày 26/12/2018 của Tổng Cục Môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường), lập lại Báo cáo NCKT nhà máy thủy điện hồ B. Đến nay, Công ty đã tổ chức đấu thầu, chọn Tư vấn lập Báo cáo NCKT và Thiết kế nhà máy thủy điện hồ B. Việc phát sinh các thủ tục nói trên có liên quan đến nhiều cấp quản lý, tốn nhiều thời gian, nên trong năm 2018, Công ty chưa thể triển khai thực hiện đầu tư theo kế hoạch dự kiến.

I.2.3. Các dự án điện gió

Công ty xác định đây là cơ hội rất tốt để thúc đẩy mở rộng quy mô và chất lượng hoạt động, nên đã quan tâm công tác nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội và phát triển dự án đầu tư trong lĩnh vực điện gió tại tỉnh Quảng Trị. Đến nay, Công ty đang có hai cơ hội đầu tư, đó là:

Dự án điện gió Tân Lập (giai đoạn 1: 30MW - giai đoạn 2: 20MW - đã được UBND tỉnh Quảng Trị cho phép nghiên cứu dự án): Công ty đã phối hợp với Tư vấn hoàn thành công tác xây dựng trụ và thu thập số liệu đo gió (12 tháng), lập và trình hồ sơ báo cáo bổ sung quy hoạch cho Sở Công thương, UBND tỉnh Quảng Trị đúng kế hoạch đã định.

Dự án điện gió Hướng Sơn 3 - 30MW (đang chờ UBND tỉnh Quảng Trị cho phép nghiên cứu dự án): Công ty đã cùng UBND huyện Hướng Hóa, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương tỉnh Quảng Trị khảo sát, thống nhất phạm vi dự án điện gió Hướng Sơn 3, đã trình UBND tỉnh Quang Trị và chờ chủ

trương cho phép Công ty nghiên cứu, khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án này tại xã Raly, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

I.2.4. Dự án nhà làm việc Công ty

Công ty đã phối hợp cùng Tư vấn hoàn thành hồ sơ Báo cáo NCKT, đã trình hồ sơ thiết kế cơ sở đến Sở Xây dựng và hồ sơ PCCC đến Phòng Cảnh sát PCCC và cứu hộ cứu nạn - CA TP Đà Nẵng (CA PCCC) để thẩm định. Đến nay, hồ sơ PCCC đã được CA PCCC thống nhất, Công ty đang tiếp tục làm việc với Sở Xây dựng về hồ sơ thiết kế cơ sở.

I.2.5. Giá trị giải ngân

Công tác giải ngân khối lượng XD/CB, quản lý chi phí được Công ty thực hiện đúng quy định (có kế hoạch, đúng đối tượng và đúng tiến độ), không để xảy ra chi sai mục đích.

Bảng 2: Giá trị giải ngân XD/CB năm 2018

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung chi phí	Kế hoạch 2018	Giải ngân 2018
1	Dự án thủy điện Đăk Pône	4.740,00	394,16
a	Nhà máy thủy điện hồ B	2.276,00	249,29
b	Nâng đập hồ A	2.340,00	144,87
c	Bạc chắn nước thác Đăk Ke	124,00	0,00
2	Dự án thủy điện Đa Krông 1	33.400,00	23.229,09
3	Dự án điện gió Tân Lập	1.168,00	817,67
4	Dự án điện gió Hướng Sơn 3	500,00	0,00
5	Dự án nhà PC3-INVEST	5.000,00	115,80
	Tổng cộng	44.808,00	24.556,72

Ghi chú: Lũy kế giải ngân đến hết năm 2018 của dự án thủy điện Đa Krông 1 là 367,14 tỷ đồng.

I.3. Công tác tài chính và quản lý cổ đông

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2018, Công ty đã thực hiện các thủ tục chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông. Tính đến thời điểm hiện tại, số cổ phần phổ thông Công ty phát hành là 30.311.066 cổ phần, tương ứng với vốn điều lệ là 303,11 tỷ đồng (EVNCPC chiếm 74,08%).

Công ty thường xuyên theo dõi, quản lý nguồn tiền và kế hoạch giải ngân nên chủ động trong việc cân đối, sử dụng hiệu quả các nguồn tiền. Công ty luôn chủ trương tiết kiệm chi phí hoạt động, chỉ chi tiêu cho các công việc thực sự cần thiết, cắt giảm hoặc hoãn chi các khoản chưa cần thiết. Tổng chi phí phục vụ cho hoạt động trong năm 2018 là 23,72 tỷ đồng, bằng 81,18% giá trị đã được HĐQT phê duyệt theo định mức (29,22 tỷ đồng). Công tác quản lý tài chính doanh nghiệp được thực hiện chặt chẽ, bảo tồn và phát triển vốn, thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, nộp ngân sách cả năm là 25,86 tỷ đồng.

Công tác quản lý cổ đông được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước, không để xảy ra sai sót hay khiếu nại của cổ đông.

I.4. Công tác quản trị công ty

Năm 2018, Công ty đã sắp xếp lại nhân sự quản lý dự án theo yêu cầu nhiệm vụ được giao, đồng thời chú trọng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (đã ban hành lại 37 quy trình ISO), duy trì và thực hiện tiêu chuẩn Kaizen 5S tại hai Chi nhánh, đẩy mạnh thực thi VHDN, phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, gắn liền với việc nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động của CBCNV. Ngoài việc thường xuyên đánh giá hiệu quả công việc của từng cá nhân gắn với việc phân phối tiền lương, thu nhập, Công ty luôn động viên, cổ vũ CBCNV thể hiện khả năng góp phần vào thành công chung của tập thể. Công ty đã tổ chức kiểm tra nhận thức quy trình ISO, VHDN và chuyên môn nghiệp vụ cho toàn thể CBCNV. Đợt kiểm tra đã nhận được sự hưởng ứng của toàn thể CBCNV, tạo chuyển biến tích cực về việc tự học tập, nghiên cứu và áp dụng các quy trình, quy định của Công ty vào thực tiễn công tác. Công tác quản trị công ty tiếp tục được củng cố, góp phần vào những thành công trong công tác, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí hay sai sót chủ quan trong công tác lãnh đạo - quản lý.

Công ty đã duy trì phong trào cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa trong tác nghiệp. Năm qua, Công ty đã có 20 sáng kiến và giải pháp hợp lý hóa trong công việc được công nhận và áp dụng đã mang lại hiệu quả thiết thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng giá bán điện bình quân. Công tác ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành được duy trì hiệu quả.

Tính đến ngày 31/12/2018, tổng số lao động là 67 người, tăng 01 người so với năm 2017 (tăng 01 công nhân vận hành nhà máy thủy điện Đăk Pône). Tất cả CBCNV được đóng bảo hiểm (BHYT, BHTN, BHXH) theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động; việc xếp lương, nâng lương cho CBCNV được thực hiện đúng thỏa ước lao động tập thể. Công tác dân chủ cơ sở được Công ty quan tâm thực hiện, nên không có tình trạng khiếu nại hay tranh chấp về lao động. Năm 2018, công tác đầu tư xây dựng đã thu hẹp do công trình nhà máy thủy điện Đa Krông 1 đã hoàn thành, nhưng Công ty đã cố gắng đảm bảo công việc cho CBCNV, không để xảy ra tình trạng dôi dư lao động, thu nhập bình quân tăng 5,15% so với năm 2017.

Với những nỗ lực và thành tích đã đạt được trong năm 2018, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, UBND tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh Kon Tum và EVN đã tặng 12 bằng khen cho Công ty, các tập thể và cá nhân của Công ty. EVNCPC cũng đã tặng 5 giấy khen cho các tập thể, cá nhân của Công ty, công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở cho 4 cá nhân. Chi bộ Đảng được công nhận Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công đoàn được công nhận Công đoàn cơ sở vững mạnh. Đoàn TNCS HCM thể hiện được vai trò xung kích trong hoạt động sản xuất và công tác xã hội, từ thiện.

I.5. Đánh giá kết quả thực hiện

Căn cứ Thông tư 200/2015/TT-BTC về giám sát tài chính và đánh giá kết quả hoạt động doanh nghiệp có vốn nhà nước, Công ty được xếp loại A (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018).

Đối chiếu kế hoạch SXKD - ĐTXD năm 2018 được giao, Công ty được đánh giá mọi mặt hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, Điều lệ và Nghị quyết của HĐQT, thể hiện ở các mặt:

+ Về SXKD: Tổ chức vận hành an toàn, lợi nhuận sau thuế năm 2018 vượt 23,66% kế hoạch đề ra; mức cổ tức đạt 10% (cao hơn kế hoạch mà ĐHCĐ giao là 8,5%); bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn hiệu quả. Công ty đã làm tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật.

+ Về ĐTXD: Hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa nhà máy thủy điện Đa Krông 1 vào vận hành đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và kinh tế; đạt hiệu quả bước đầu về tìm kiếm cơ hội mở rộng đầu tư sang lĩnh vực điện gió, đã hoàn thành hồ sơ bổ sung quy hoạch điện gió Tân Lập và đang xin chủ trương nghiên cứu dự án điện gió Hướng Sơn 3.

+ Công tác quản trị doanh nghiệp tiếp tục được tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc và tiết kiệm chi phí hoạt động (giảm 18,82% so với dự toán được duyệt); chủ động thực hiện thành công nhiều giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật; chấp hành tốt các quy định của Nhà nước trong các lĩnh vực hoạt động và quản trị công ty.

+ Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM hoạt động đúng Điều lệ, đóng góp quan trọng vào thành công chung của Công ty. CBCNV có môi trường làm việc an toàn, dân chủ, được đảm bảo quyền lợi theo quy định pháp luật, công việc ổn định và thu nhập tăng 5,15% so với năm trước.

Bên cạnh các thành quả đạt được, Công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục trong thời gian đến, đó là:

+ Nguồn nhân lực còn hạn chế, một số vị trí công tác còn khuyết người và/hoặc chất lượng chưa cao; trụ sở làm việc chưa đáp ứng yêu cầu công tác, nguồn vốn và dòng tiền còn nguy cơ mất cân đối.

+ Tuy có một số nguyên nhân khách quan như: sự hạn chế về nhân lực, sự phối hợp của các nhà thầu chưa kịp thời, phát sinh các thủ tục theo quy định mới của Nhà nước..., nhưng công tác quản lý đầu tư có lúc còn bị động, đốc thúc tiến độ chưa hiệu quả.

PHẦN II NHIỆM VỤ NĂM 2019

Qua 10 năm đầu tư và tích lũy, Công ty đang sở hữu - vận hành hai nhà máy thủy điện, hoạt động ngày càng hiệu quả theo hình thức BOO. Năm 2019, Công ty đứng trước cơ hội đầu tư rất lớn với dự án điện gió Tân Lập (giai đoạn I - 30MW) có tiềm năng kỹ thuật rõ rệt. Đây sẽ là động lực đổi mới công tác quản lý điều hành theo hướng hiệu quả hơn nhằm cải thiện vị thế, hình ảnh của Công

ty. Bên cạnh đó, Công ty sẽ gặp nhiều thách thức do nguồn lực, hiểu biết và kinh nghiệm trong lĩnh vực điện gió còn hạn chế; các rủi ro về sự biến đổi bất thường của thời tiết, giá bán điện thấp, yêu cầu ngày chặt chẽ của Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất điện, chứng khoán, quản lý đầu tư đòi hỏi Công ty phải nỗ lực hơn nữa để tận dụng được cơ hội phát triển, bứt phá cả về chất và lượng. Trên cơ sở đó, Công ty đề ra các nhiệm vụ như sau:

II.1. Kế hoạch SXKD

Tổ chức vận hành các nhà máy thủy điện với các chỉ tiêu sau đây:

- Tổng sản lượng điện phát ước đạt 98,76 triệu kWh (Đăk Pône: 59,83 triệu kWh và Đa Krông 1: 38,93 triệu kWh); doanh thu bán điện ước đạt 107,34 tỷ đồng (Đăk Pône: đạt 62,67 tỷ đồng và Đa Krông 1: 44,67 tỷ đồng).

- Chủ động thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo trì, sửa chữa lớn các nhà máy thủy điện, đảm bảo sẵn sàng năng lực phát điện theo thiết kế.

- Không để xảy ra tai nạn lao động, không vi phạm quy trình tác nghiệp và không vi phạm các quy định của Nhà nước về phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường.

Bảng 3: Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2019

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019		
		Tổng cộng	Đăk Pône	Đa Krông 1
A	<i>HD sản xuất điện năng</i>			
1	Doanh thu	107.342,02	62.674,02	44.668,00
2	Chi phí	59.307,19	33.047,62	26.259,57
3	Lợi nhuận (A1 - A2)	48.034,83	29.626,40	18.408,43
B	<i>HD tài chính và hoạt động khác</i>			
1	Thu nhập (lãi tiền gửi, khác)	300,00	300,00	0,00
2	Chi phí (trả lãi vay, chi phí khác)	17.738,44	0,00	17.738,44
3	Lợi nhuận (B1 - B2)	-17.438,44	300,00	-17.738,44
C	<i>Tổng lợi nhuận trước thuế (A3 + B3)</i>	30.596,39	29.926,40	669,99
D	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	1.696,32	1.696,32	0,00
E	<i>Tổng lợi nhuận sau thuế (C - D)</i>	28.900,07	28.230,08	669,99

Cổ tức năm 2019 dự kiến 5% (tính theo vốn điều lệ lũy kế đến cuối năm 2019) sẽ được phân phối bằng cổ phiếu để đầu tư dự án Nhà máy điện gió Tân Lập (nếu quyết định đầu tư).

II.2. Kế hoạch ĐTXD

Thực hiện thành công kế hoạch huy động vốn và kế hoạch ĐTXD năm 2019, hướng đến thực hiện chiến lược mở rộng quy mô sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất đến năm 2023:

- Hoàn thành thủ tục, phê duyệt bổ sung quy hoạch; lập, phê duyệt Báo cáo NCKT dự án điện gió Tân Lập (giai đoạn 1: 30 MW) tại Tỉnh Quảng Trị; triển khai các thủ tục giải phóng mặt bằng, thuê đất và các công tác chuẩn bị thi công công trình.

- Triển khai lập Báo cáo NCKT, Thiết kế Nhà máy thủy điện hồ B và Nâng cao đập hồ A - Đăk Pône; thực hiện công tác liên quan để triển khai thi công xây dựng Nhà máy thủy điện hồ B.

- Hoàn thành thủ tục, phê duyệt Báo cáo NCKT, triển khai Thiết kế công trình nhà làm việc PC3-INVEST, chuẩn bị triển khai thi công xây dựng.

- Tiếp tục xúc tiến các thủ tục xin khảo sát, nghiên cứu dự án điện gió Hướng Sơn 3 (30MW) tại Tỉnh Quảng Trị.

II.3. Kế hoạch giải ngân ĐTXD năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020

Kế hoạch giải ngân ĐTXD năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 như sau.

Bảng 4: Kế hoạch giải ngân ĐTXD

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Giải ngân	
		Năm 2019	6 tháng đầu năm 2020
1	Nhà máy thủy điện hồ B và Nâng đập hồ A - Đăk Pône	6.900,00	19.000,00
2	Dự án thủy điện Đa Krông 1	18.723,00	0,00
3	Dự án điện gió Tân Lập	30.000,00	200.948,00
4	Dự án điện gió Hướng Sơn 3	200,00	250,00
5	Dự án nhà PC3-INVEST	1.000,00	11.500,00
6	Dự án SCADA nhà máy thủy điện Đăk Pône	3.300,00	0,00
	Tổng cộng	60.123,00	231.698,00
	<i>Trong đó: - Vốn tự có</i>	<i>9.453,00</i>	<i>14.250,00</i>
	<i>- Vốn góp</i>	<i>30.000,00</i>	<i>75.000,00</i>
	<i>- Vốn vay</i>	<i>20.670,00</i>	<i>142.448,00</i>

II.4. Phương án chi trả cổ tức năm 2018 và chào bán cổ phiếu năm 2019

Trên cơ sở kế hoạch ĐTXD nêu tại mục II.2 và mục II.3, các nguồn thu trong năm 2019, 6 tháng đầu năm 2020 và kết chuyển tiền từ năm trước, năm 2019 Công ty cần huy động thêm 105 tỷ đồng để đủ kinh phí thực hiện kế hoạch ĐTXD năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020. HĐQT kính đề nghị ĐHCĐ thống nhất phương án chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu và chào bán cổ phiếu năm 2019; ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế để phê duyệt chi tiết các phương án này, với nội dung chính sau:

a) Phương án chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu:

- Mục đích phát hành cổ phiếu: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018.

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.031.106 cổ phiếu phổ thông.

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 30.311.060.000 đồng (Ba mươi tỷ, ba trăm mười một triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Tỷ lệ phát hành: 10%.

- Nguồn vốn: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.

- Thời gian: từ quý II/2019 (thời gian phát hành cụ thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi được UBCKNN cho phép).

- Phương án làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ: số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ được xử lý bằng cách hủy bỏ.

b) Phương án chào bán cổ phiếu năm 2019:

- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu để huy động vốn để thực hiện kế hoạch ĐTXD năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020.

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 7.468.894 cổ phiếu phổ thông.

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 74.688.940.000 đồng (Bảy mươi bốn tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Thời gian phát hành: từ quý II/2019 (thời gian phát hành cụ thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi được UBCKNN cho phép).

- Đối tượng phát hành cổ phiếu: cổ đông hiện hữu của Công ty. Trường hợp cổ đông hiện hữu không mua hết thì ủy quyền cho HĐQT Công ty tìm nhà đầu tư để phát hành cổ phiếu còn thừa.

- Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh mức chào bán cổ phiếu phù hợp với thực tế nhưng không vượt kế hoạch chào bán cổ phiếu đã nêu trên.

c) Giao cho HĐQT căn cứ kết quả phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2018 và chào bán cổ phiếu năm 2019 để điều chỉnh vốn điều lệ được nêu trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với số vốn thực tế huy động được.

II.5. Công tác quản trị

- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị trên tinh thần dựa trên rủi ro để nâng cao hiệu quả SXKD, tăng năng suất lao động: Duy trì hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn Kaizen 5S và VHDN trong các lĩnh vực SXKD và ĐTXD; đẩy mạnh phong trào sáng kiến và giải pháp hợp lý hóa hoạt động tác nghiệp, gắn kết với việc tăng năng suất lao động, nâng cao trình độ và kỹ năng của người lao động.

- Cùng cố, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và nâng cao uy tín thương hiệu Công ty: Tiếp tục công tác đào tạo lực lượng lao động đi đôi với việc nâng cao chất lượng sắt hạch, kiểm tra tay nghề, nhận thức ISO, VHDN; cơ cấu lại bộ máy phù hợp nhiệm vụ mới và xây dựng lực lượng cán bộ có năng lực để phục vụ quản lý đầu tư xây dựng các dự án điện gió; tiếp tục ổn định việc làm, nâng cao đời sống tinh thần và thu nhập cho người lao động; đẩy mạnh xây dựng hình ảnh, uy tín của Công ty góp phần tăng giá trị cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán PIC) trên thị trường chứng khoán.

Công ty xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của quý cổ đông trong thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ của quý vị để Công ty tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2019 và những năm kế tiếp.

Xin kính chúc các quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 24 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2018,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 xin tóm tắt báo cáo tài chính năm 2018 (được trích dẫn từ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán)

A. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018

DVT: đồng

Nội dung	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2017
I. TỔNG TÀI SẢN	573.581.885.074	571.083.561.274
Trong đó		
1. Tài sản ngắn hạn	36.946.773.394	42.701.706.778
2. Tài sản dài hạn	536.635.111.680	528.381.854.496
II. TỔNG NGUỒN VỐN	573.581.885.074	571.083.561.274
Trong đó		
1. Nợ phải trả	231.914.887.067	224.930.348.100
2. Vốn chủ sở hữu	341.666.998.007	346.153.213.174

Nhận xét:

- Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2018: 573,58 tỷ đồng, tăng 2,5 tỷ đồng so với tổng tài sản tại ngày 31/12/2017, trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn giảm 5,75 tỷ đồng, chủ yếu do: (1) tiền mặt, tiền gửi giảm 3,59 tỷ đồng để chi trả các hoạt động của Công ty; (2) hàng tồn kho giảm 2,03 tỷ đồng do đủ điều kiện để được ghi nhận vào giá trị đầu tư xây dựng CTTĐ Đa Krông 1; (3) các khoản phải thu ngắn hạn giảm 2,64 tỷ đồng do giảm khoản tiền trả trước cho Nhà thầu của CTTĐ Đa Krông 1; (4) tài sản ngắn hạn khác tăng 2,51 tỷ đồng do tăng khoản thuế GTGT được khấu trừ của CTTĐ Đa Krông 1.

+ Tài sản dài hạn tăng 8,25 tỷ đồng, chủ yếu do: (1) tăng tài sản cố định NMTĐ Đa Krông 1 với giá trị: 346,35 tỷ đồng, tăng trích khấu hao tài sản cố định các nhà máy thủy điện là: 24,13 tỷ đồng (trong đó: NMTĐ Đăk Pônê 12,43 tỷ đồng, NMTĐ Đa Krông 1 là 11,7 tỷ đồng), thanh lý TSCĐ là 973,81 triệu đồng; (2) chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang CTTĐ Đa Krông 1 giảm 317,55 tỷ đồng; (3) chi phí sửa chữa, khắc phục sạt lở và các chi phí khác tăng 3,18 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2018: 573,58 tỷ đồng, tăng 2,5 tỷ đồng so với tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2017, trong đó:

+ Nợ phải trả tăng 6,98 tỷ đồng, chủ yếu do: (1) nghiệm thu quyết toán CTTĐ Đa Krông 1 nên khoản tiền phải trả của Nhà thầu tăng 9,73 tỷ đồng, (2) trả nợ gốc vay vốn đầu tư xây dựng NMTĐ Đắk Pône và NMTĐ Đa Krông 1 tại các tổ chức tín dụng 13,92 tỷ đồng và tăng nhận nợ vay vốn đầu tư xây dựng NMTĐ Đa Krông 1 tại NHTM Phương Đông Chi nhánh Trung Việt 10,59 tỷ đồng.

+ Vốn chủ sở hữu giảm 4,49 tỷ đồng, chủ yếu do lợi nhuận chưa phân phối năm nay thấp hơn cùng kỳ năm trước là 4,49 tỷ đồng.

B. Báo cáo kết quả kinh doanh tại ngày 31/12/2018 bao gồm các chỉ tiêu:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.993.480.848
2. Giá vốn hàng bán	46.875.825.551
3. Lợi nhuận bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.117.655.297
4. Doanh thu hoạt động tài chính	673.096.883
5. Chi phí tài chính	17.241.757.793
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.813.078.532
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	30.735.915.855
8. Thu nhập khác	89.420.519
9. Chi phí khác	6.791.170
10. Lợi nhuận khác	82.629.349
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.818.545.204
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.884.450.833
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	953 đồng/cổ phiếu

C. Các chỉ tiêu phản ánh về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Năm 2018
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	
1. Khả năng thanh toán hiện hành	0,63 lần
2. Khả năng thanh toán nhanh	0,61 lần
II. Chỉ tiêu phản ánh khả năng tự chủ về tài chính	
1. Tỷ suất nợ trên tổng tài sản	40,43%
2. Tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu	67,88%

Nhận xét:

- Đến thời điểm 31/12/2018, nhu cầu thanh toán nợ cho nhà thầu và trả gốc vay, lãi vay đến hạn cho Ngân hàng (để đầu tư xây dựng CTTĐ Đa Krông 1) vẫn còn cao, vì vậy với khả năng thanh toán hiện hành 0,63 lần và khả năng thanh toán nhanh 0,61 lần đã thể hiện Công ty đang tạm thời gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn từ tài sản ngắn hạn. Tình hình sẽ được cải thiện dần trong các năm đến khi NMTĐ Đa Krông 1 vận hành ổn định. Công nợ phải thu, phải trả của Công ty đến 31/12/2018 chưa có khoản nào xếp vào phải thu khó đòi hay quá hạn phải trả. Các khoản công nợ trên đều được kiểm soát chặt chẽ.

- Tỷ suất nợ: 40,43%, tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu: 67,88% cho thấy Công ty vẫn đáp ứng khả năng tự chủ về tài chính khi nguồn vốn chủ sở hữu vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn so với vốn vay, tổng tài sản cao gấp 2,47 lần so với tổng giá trị nợ phải trả.

D. Ý kiến kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC)

“Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 ngày 02/01/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0400599162) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/12/2017.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 14/12/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 09/01/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 303.110.660.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2018: 303.110.660.000 đồng.

(Trong đó vốn góp của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung là 224.536.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 74,08% tổng số vốn thực góp).

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại: 0236.2212545
- Fax: 0236.2221000
- Website: www.pc3invest.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao cho các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt: các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lồng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 67 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch	Bỏ nhiệm lại ngày 08/06/2018
• Ông Nguyễn Lương Minh	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 08/06/2018
• Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 08/06/2018
• Ông Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 08/06/2018
• Ông Võ Hòa	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 08/06/2018
• Ông Phạm Phong	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 08/06/2018
• Ông Phạm Quốc Khánh	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 25/04/2013
		Miễn nhiệm ngày 08/06/2018
• Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 25/04/2013
		Miễn nhiệm ngày 08/06/2018

Ban kiểm soát

• Ông Nguyễn Minh Hoài	Trưởng ban	Bỏ nhiệm lại ngày 08/06/2018
• Bà Lê Thị Minh Chính	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 08/06/2018
• Bà Phan Thị Thanh Lý	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 08/06/2018

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Lương Minh	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 08/06/2018
• Ông Phạm Sĩ Huân	Phó Tổng Giám đốc	
• Ông Nguyễn Dương Long	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 15/11/2018
• Bà Đặng Thị Thu Nga	Kế toán trưởng	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



14 tháng 02 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 058/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22/01/2019, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

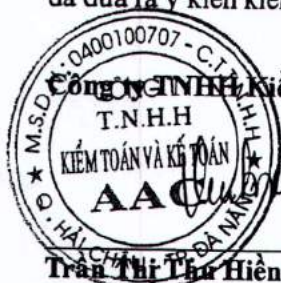
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 14/BCKT/2018 ngày 21/02/2018 về Báo cáo tài chính năm 2017, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2019

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'Kim Anh'.

Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

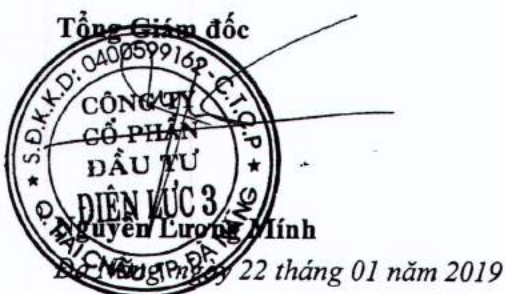
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.946.773.394	42.701.706.778
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.454.473.201	14.044.840.881
1. Tiền	111		233.414.182	209.055.607
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.221.059.019	13.835.785.274
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.124.416.676	19.770.083.420
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	14.658.782.449	12.703.287.309
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	504.029.100	6.231.088.245
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.961.605.127	835.707.866
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.107.167.610	3.138.431.260
1. Hàng tồn kho	141		1.107.167.610	3.138.431.260
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.260.715.907	5.748.351.217
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a	25.300.641	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.232.151.589	5.585.909.422
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	3.263.677	162.441.795
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		536.635.111.680	528.381.854.496
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		528.826.732.706	206.205.875.370
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	523.953.046.070	201.325.080.734
- Nguyên giá	222		651.770.006.786	305.953.482.336
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127.816.960.716)	(104.628.401.602)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	4.873.686.636	4.880.794.636
- Nguyên giá	228		4.926.567.289	4.926.567.289
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52.880.653)	(45.772.653)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.194.367.685	321.746.363.762
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	4.194.367.685	321.746.363.762
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.614.011.289	429.615.364
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	1.849.064.712	326.381.264
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.764.946.577	103.234.100
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		573.581.885.074	571.083.561.274

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		231.914.887.067	224.930.348.100
I. Nợ ngắn hạn	310		58.463.351.058	44.915.371.191
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	20.157.953.440	10.429.081.766
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	4.328.709.631	3.146.494.020
3. Phải trả người lao động	314		8.894.780.837	9.756.576.606
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	340.855.636	679.679.344
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6.086.124.073	5.406.836.552
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18a	17.154.169.454	13.923.426.925
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.500.757.987	1.573.275.978
II. Nợ dài hạn	330		173.451.536.009	180.014.976.909
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18b	173.451.536.009	180.014.976.909
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		341.666.998.007	346.153.213.174
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	341.666.998.007	346.153.213.174
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	303.110.660.000	303.110.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		303.110.660.000	303.110.660.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	(35.000.000)	(35.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	1.131.301.456	1.131.301.456
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	37.460.036.551	41.946.251.718
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.575.585.718	1.221.926.111
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.884.450.833	40.724.325.607
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		573.581.885.074	571.083.561.274



Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Nga

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	105.993.480.848	82.498.206.964
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		105.993.480.848	82.498.206.964
4. Giá vốn hàng bán	11	21	46.875.825.551	30.920.006.563
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>59.117.655.297</u>	<u>51.578.200.401</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	673.096.883	1.044.949.372
7. Chi phí tài chính	22	23	17.241.757.793	1.714.638.145
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.241.750.025	1.246.965.905
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	11.813.078.532	7.955.766.257
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>30.735.915.855</u>	<u>42.952.745.371</u>
11. Thu nhập khác	31		89.420.519	21.948.182
12. Chi phí khác	32		6.791.170	21.948.182
13. Lợi nhuận khác	40		<u>82.629.349</u>	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>30.818.545.204</u>	<u>42.952.745.371</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.934.094.371	2.228.419.764
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>28.884.450.833</u>	<u>40.724.325.607</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	953	1.243
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	953	1.243

Tổng Giám đốc



Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Nga

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.818.545.204	42.952.745.371
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10,11	24.167.265.246	13.576.340.186
- Các khoản dự phòng	03		-	(20.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	23	7.768	2.072
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	22	(761.853.592)	(1.020.789.372)
- Chi phí lãi vay	06	23	17.241.750.025	1.246.965.905
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		71.465.714.651	56.735.264.162
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.612.680.256)	(408.628.565)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	(2.060.886.161)	(124.433.549)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		324.110.798	(2.175.950.454)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.547.984.089)	(143.871.216)
- Tiền lãi vay đã trả	14	16,23	(17.056.608.318)	(1.553.050.637)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(2.035.019.697)	(2.401.172.202)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.132.117.991)	(1.704.261.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.344.528.937	48.223.896.339
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	9,10,11,12,16	(11.880.442.976)	(71.205.406.600)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	10	88.788.819	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,22	676.513.579	1.068.683.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.115.140.578)	(70.136.722.810)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	18	53.790.728.551	89.785.798.987
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(57.123.426.922)	(57.144.553.133)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17,19d	(29.487.049.900)	(18.943.658.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32.819.748.271)	13.697.587.154
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.590.359.912)	(8.215.239.317)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	14.044.840.881	22.260.082.270
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	23	(7.768)	(2.072)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	10.454.473.201	14.044.840.881



Kế toán trưởng

Cetuh

Đặng Thị Thu Nga

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

Lê Thị Hiền

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 01 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 ngày 02/01/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0400599162) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/12/2017.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 14/12/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 09/01/2017.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyên giao cho các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt: các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lồng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Kon Tum (Địa chỉ: Thôn Măng Đen, Xã Đăk Long, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam) và Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Quảng Trị (Địa chỉ: Thôn Húc Nghi, Xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là các thiết bị phục vụ đầu tư xây dựng dự án Thủy điện được tính theo phương pháp thực tế đích danh. Giá gốc hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Để đảm bảo việc khấu hao phù hợp với tình hình sử dụng thực tế và tính chất mùa vụ của sản xuất thủy điện, riêng các tài sản cố định sử dụng trực tiếp tại Nhà máy Thủy điện Đăk Pône thay đổi từ phương pháp khấu hao theo đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo sản lượng từ tháng 11 năm 2012. Việc điều chỉnh này đã được Cục thuế Đà Nẵng chấp thuận tại công văn số 4212/CT-KK&KTT ngày 19/12/2012 và được Bộ Tài Chính chấp thuận tại Công văn số 18332/BTC-TCDN ngày 31/12/2013. Và các tài sản cố định sử dụng trực tiếp tại Nhà máy Thủy điện Đa Krông 1 được khấu hao theo phương pháp sản lượng theo công văn số 47/PC31-TC gửi Cục thuế Thành phố Đà Nẵng ngày 18/01/2018 về việc đăng ký thời gian trích khấu hao tài sản cố định Nhà máy Thủy điện Đa Krông 1.

Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp phân bổ theo đường thẳng trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá theo biểu giá chi phí tránh được do Cục điều tiết điện lực ban hành hàng năm.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính phát sinh trong năm tại Công ty là chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.17 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm. Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện Đăk Pônê Tinh Kon Tum áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2010 đến năm 2024); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022) cho Dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Những ưu đãi này được quy định trong Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.
 - ✓ Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	29.694.730	4.131.769
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	203.719.452	204.923.838
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	10.221.059.019	13.835.785.274
Cộng	<u>10.454.473.201</u>	<u>14.044.840.881</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2018	01/01/2018
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (bên liên quan)	14.658.782.449	12.703.287.309
Cộng	<u>14.658.782.449</u>	<u>12.703.287.309</u>

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Tập đoàn Hanaka	-	2.633.400.000
Công ty CP Thiết bị Thủy lợi	-	1.386.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật ứng dụng VN	164.889.600	-
Công ty CP Sông Ba (bên liên quan)	144.866.500	-
Các đối tượng khác	194.273.000	2.211.688.245
Cộng	<u>504.029.100</u>	<u>6.231.088.245</u>

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	57.826.136	-	11.053.600	-
Lãi dự thu	7.628.754	-	11.077.560	-
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	1.530.689.000	-	-	-
Phải thu khác	365.461.237	-	813.576.706	-
Cộng	<u>1.961.605.127</u>	<u>-</u>	<u>835.707.866</u>	<u>-</u>

9. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.107.167.610	-	707.993.926	-
Nguyên liệu, vật liệu chờ xây lắp	-	-	2.430.437.334	-
Cộng	<u>1.107.167.610</u>	<u>-</u>	<u>3.138.431.260</u>	<u>-</u>

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2018.

Không có hàng tồn kho dùng ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm 31/12/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	174.306.139.365	114.079.149.839	16.677.158.737	355.534.395	535.500.000	305.953.482.336
Mua sắm trong năm	207.644.894	-	-	231.627.273	-	439.272.167
Đ/tư XDCB h/thành	212.175.909.074	134.175.159.909	-	-	-	346.351.068.983
Tỷ, nhượng bán	-	-	897.468.000	76.348.700	-	973.816.700
Số cuối năm	386.689.693.333	248.254.309.748	15.779.690.737	510.812.968	535.500.000	651.770.006.786
Khấu hao						
Số đầu năm	42.698.293.842	54.445.658.930	7.113.968.652	254.455.178	116.025.000	104.628.401.602
Khấu hao trong năm	14.297.658.382	9.169.301.403	551.224.706	37.091.323	107.100.000	24.162.375.814
Tỷ, nhượng bán	-	-	897.468.000	76.348.700	-	973.816.700
Số cuối năm	56.995.952.224	63.614.960.333	6.767.725.358	215.197.801	223.125.000	127.816.960.716
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	131.607.845.523	59.633.490.909	9.563.190.085	101.079.217	419.475.000	201.325.080.734
Số cuối năm	329.693.741.109	184.639.349.415	9.011.965.379	295.615.167	312.375.000	523.953.046.070

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 1.007.026.999 đồng.

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018 của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay là 334.656.571.728 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất (* VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	68.873.653	4.857.693.636	4.926.567.289
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	68.873.653	4.857.693.636	4.926.567.289
Khấu hao			
Số đầu năm	45.772.653	-	45.772.653
Khấu hao trong năm	7.108.000	-	7.108.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	52.880.653	-	52.880.653
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	23.101.000	4.857.693.636	4.880.794.636
Số cuối năm	15.993.000	4.857.693.636	4.873.686.636

(*) Quyền sử dụng đất tại Lô 7 + Lô 8 Khu B2-54, Khu Đầu tư Sinh thái ven sông Hòa Xuân – giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CH 636281 được Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng cấp ngày 11/10/2017.

Nguyên giá TSCĐVH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 33.333.653 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
Công trình thủy điện Đa Krông 1	-	318.681.806.355
Công trình thủy điện Sông Tranh 5	2.900.248.952	2.900.248.952
Điện gió Tân Lập	758.924.096	-
Công trình thủy điện Đăk Pône - Hồ B	535.194.637	164.308.455
Cộng	<u>4.194.367.685</u>	<u>321.746.363.762</u>

13. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	25.300.641	-
Cộng	<u>25.300.641</u>	<u>-</u>

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	559.812.263	290.953.266
Chi phí sửa chữa, khắc phục sạt lở và các chi phí khác	1.289.252.449	35.427.998
Cộng	<u>1.849.064.712</u>	<u>326.381.264</u>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Sông Đà 505	8.021.929.300	7.184.627.400
Tổng Công ty Cơ điện	2.431.954.000	2.431.954.000
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	6.589.979.255	-
Các đối tượng khác	3.114.090.885	812.500.366
Cộng	<u>20.157.953.440</u>	<u>10.429.081.766</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế GTGT	3.263.677	1.118.072.794	10.262.388.508	9.663.640.354	3.263.677	1.716.820.948
Thuế TNDN	-	449.696.878	1.934.094.371	2.035.019.697	-	348.771.552
Thuế TNCN	159.178.118	17.914.545	2.553.472.603	2.376.949.374	-	35.259.656
Thuế tài nguyên	-	878.607.595	7.695.653.495	7.627.123.017	-	947.138.073
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Các loại thuế khác	-	682.202.208	4.750.908.404	4.152.391.210	-	1.280.719.402
Cộng	162.441.795	3.146.494.020	27.202.517.381	25.861.123.652	3.263.677	4.328.709.631

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí lãi vay dự trả	340.855.636	482.375.401
Chi phí khác	-	197.303.943
Cộng	340.855.636	679.679.344

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô	2.727.000.000	2.727.000.000
Công ty Bảo hiểm BIDV	50.110.160	50.110.160
Cổ tức phải trả	2.755.760.600	1.931.744.500
Phải trả khác	553.253.313	697.981.892
Cộng	6.086.124.073	5.406.836.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	43.200.000.000	43.200.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (*)	-	43.200.000.000	43.200.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	13.923.426.925	17.154.169.454	13.923.426.925	17.154.169.454
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (*)	6.566.284.067	17.154.169.454	6.566.284.067	17.154.169.454
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	7.357.142.858	-	7.357.142.858	-
Cộng	13.923.426.925	60.354.169.454	57.123.426.925	17.154.169.454

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (*)	186.581.260.976	10.590.728.551	6.566.284.064	190.605.705.463
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	7.357.142.858	-	7.357.142.858	-
Cộng	193.938.403.834	10.590.728.551	13.923.426.922	190.605.705.463
Trong đó				
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 kỳ	13.923.426.925			17.154.169.454
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	180.014.976.909			173.451.536.009

(*) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Trung Việt theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD-PC3I ngày 22/10/2014:

- Số tiền vay: 230.000.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 06/02/2015).
- Thời hạn ân hạn gốc: 27 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Lãi suất vay trong hạn: Áp dụng tại từng thời điểm nhận nợ bằng: lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau bình quân 05 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) + biên độ lãi suất là 2,2%/năm. Lãi suất vay trong hạn của chu kỳ đầu tiên được xác định vào ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên (ngày 06/02/2015): 8,72%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại Xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị.
- Bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ công trình Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị hình thành từ vốn vay và vốn tự có (bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và các động sản khác). Chi tiết theo Hợp đồng đảm bảo tiền vay là Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/BĐ-PC3I ngày 22/10/2014.

Giá trị tài sản đảm bảo: Tổng giá trị tài sản tính theo Tổng mức đầu tư trước thuế GTGT dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 là 326.203.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	291.467.070.000	(35.000.000)	1.131.301.456	27.524.196.111	320.087.567.567
Tăng trong năm	11.643.590.000	-	-	40.724.325.607	52.367.915.607
Giảm trong năm	-	-	-	26.302.270.000	26.302.270.000
Số dư tại 31/12/2017	303.110.660.000	(35.000.000)	1.131.301.456	41.946.251.718	346.153.213.174
Số dư tại 01/01/2018	303.110.660.000	(35.000.000)	1.131.301.456	41.946.251.718	346.153.213.174
Tăng trong năm	-	-	-	28.884.450.833	28.884.450.833
Giảm trong năm	-	-	-	33.370.666.000	33.370.666.000
Số dư tại 31/12/2018	303.110.660.000	(35.000.000)	1.131.301.456	37.460.036.551	341.666.998.007

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	224.536.000.000	224.536.000.000
Các cổ đông khác	78.574.660.000	78.574.660.000
Cộng	303.110.660.000	303.110.660.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.311.066	30.311.066
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.311.066	30.311.066
- Cổ phiếu phổ thông	30.311.066	30.311.066
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.311.066	30.311.066
- Cổ phiếu phổ thông	30.311.066	30.311.066
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	41.946.251.718	27.524.196.111
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	28.884.450.833	40.724.325.607
Phân phối lợi nhuận	33.370.666.000	26.302.270.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	33.370.666.000	26.302.270.000
- Trích quỹ thưởng ban điều hành	241.200.000	500.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.818.400.000	2.500.000.000
- Chia cổ tức cho các cổ đông	30.311.066.000	23.302.270.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>37.460.036.551</u>	<u>41.946.251.718</u>

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2018.

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2018 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền là 10% (tương đương 30.311.066.000 đồng). Theo đó, ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là ngày 27/06/2018 và thời gian chi trả từ ngày 16/07/2018.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán điện thương phẩm	105.988.675.393	82.498.206.964
Doanh thu khác	4.805.455	-
Cộng	<u>105.993.480.848</u>	<u>82.498.206.964</u>

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn điện thương phẩm	46.872.437.549	30.920.006.563
Giá vốn khác	3.388.002	-
Cộng	<u>46.875.825.551</u>	<u>30.920.006.563</u>

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi	673.064.773	1.020.789.372
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.110	24.160.000
Cộng	<u>673.096.883</u>	<u>1.044.949.372</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	17.241.750.025	1.246.965.905
Lãi chậm trả cổ tức	-	465.249.507
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	2.420.661
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	7.768	2.072
Cộng	17.241.757.793	1.714.638.145

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lương bộ phận quản lý	7.474.660.345	5.315.963.932
Các khoản khác	4.338.418.187	2.639.802.325
Cộng	11.813.078.532	7.955.766.257

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.818.545.204	42.952.745.371
- Lợi nhuận chính của Nhà máy Đăk Pône	35.293.860.635	42.952.745.371
- Lợi nhuận chính của Nhà máy Đa Krông 1	(5.138.033.221)	-
- Lợi nhuận hoạt động khác của Văn phòng Công ty	662.717.790	-
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.240.384.571	1.548.849.918
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lý, hợp lệ)	1.240.384.571	1.548.849.918
+ Tại nhà máy Đăk Pône	709.990.954	1.548.849.918
+ Tại nhà máy Đa Krông 1	523.602.447	-
+ Tại Văn phòng công ty	6.791.170	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	32.058.929.775	44.501.595.289
- Thu nhập chịu thuế của Nhà máy Đăk Pône	36.003.851.589	44.501.595.289
- Thu nhập chịu thuế của Nhà máy Đa Krông 1	(4.614.430.774)	-
- Thu nhập chịu thuế của Văn phòng Công ty	669.508.960	-
Thuế TNDN được miễn giảm	1.800.192.579	2.225.079.764
- Thuế được giảm của Nhà máy Đăk Pône (50%)	1.800.192.579	2.225.079.764
- Thuế được miễn của Nhà máy Đa Krông 1	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.934.094.371	2.228.419.764
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	1.934.094.371	2.225.079.764
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	3.340.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.884.450.833	40.724.325.607
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(3.059.600.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng BĐH)	-	3.059.600.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.884.450.833	37.664.725.607
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	30.311.066	30.311.066
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu @	953	1.243

@ Lãi cơ bản trên và suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được tính theo lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích các quỹ này). Căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, Hội đồng quản trị sẽ dự kiến trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

27. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	607.463.665	533.156.611
Chi phí nhân công	17.100.481.633	12.205.451.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.167.265.246	13.576.340.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	892.689.997	528.251.042
Chi phí khác bằng tiền	15.921.003.542	12.032.573.899
Cộng	58.688.904.083	38.875.772.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Báo cáo bộ phận

Chỉ tiêu	Văn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Toàn công ty	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	70.512.537.663	82.498.206.964	35.480.943.185	-	105.993.480.848	82.498.206.964
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Giá vốn	-	-	27.530.668.429	30.920.006.563	19.345.157.122	-	46.875.825.551	30.920.006.563
Doanh thu tài chính	673.096.883	1.044.949.372	-	-	-	-	673.096.883	1.044.949.372
Chi phí tài chính	93.008.442	534.356.240	52.529.999	1.180.281.905	17.096.219.352	-	17.241.757.793	1.714.638.145
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.590.080.280	7.276.703.653	593.114.334	679.062.604	629.883.918	-	11.813.078.532	7.955.766.257
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.009.991.839)	(6.766.110.521)	42.336.224.901	49.718.855.892	(1.590.317.207)	-	30.735.915.855	42.952.745.371
Thu nhập khác	89.420.519	21.948.182	-	-	-	-	89.420.519	21.948.182
Chi phí khác	6.791.170	21.948.182	-	-	-	-	6.791.170	21.948.182
Lợi nhuận khác	82.629.349	-	-	-	-	-	82.629.349	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.927.362.490)	(6.766.110.521)	42.336.224.901	49.718.855.892	(1.590.317.207)	-	30.818.545.204	42.952.745.371
Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	1.934.094.371	2.228.419.764	-	-	-	-	1.934.094.371	2.228.419.764
Lợi nhuận sau thuế trong năm	(11.861.456.861)	(8.994.530.285)	42.336.224.901	49.718.855.892	(1.590.317.207)	-	28.884.450.833	40.724.325.607

(*) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp được tính và khai thuế tập trung tại Văn phòng Công ty, các chi phí chung phát sinh tại Văn phòng Công ty sẽ được phân bổ về cho 2 chi nhánh theo tiêu thức doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Chi tiêu	Văn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Toàn công ty	
	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017
Tài sản cố định hữu hình	1.009.670.984	971.539.200	188.112.027.091	200.353.541.534	334.831.347.995	-	523.953.046.070	201.325.080.734
- Nguyên giá	2.199.584.972	3.027.774.399	303.042.746.511	302.925.707.937	346.527.675.303	-	651.770.006.786	305.953.482.336
- Giá trị hao mòn	1.189.913.988	2.056.235.199	114.930.719.420	102.572.166.403	11.696.327.308	-	127.816.960.716	104.628.401.602
Tài sản cố định vô hình	4.873.686.636	4.880.794.636	-	-	-	-	4.873.686.636	4.880.794.636
- Nguyên giá	4.926.567.289	4.926.567.289	-	-	-	-	4.926.567.289	4.926.567.289
- Giá trị hao mòn	52.880.653	45.772.653	-	-	-	-	52.880.653	45.772.653
Phải thu khách hàng	-	-	9.806.306.111	12.703.287.309	4.852.476.338	-	14.658.782.449	12.703.287.309
Phải trả người bán	19.948.909.793	10.318.453.266	41.641.247	110.628.500	167.402.400	-	20.157.953.440	10.429.081.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được, ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng tại Công ty chủ yếu liên quan đến nợ phải thu khách hàng. Với đặc thù sản xuất điện tại Việt Nam, khách hàng duy nhất của công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	20.157.953.440	-	20.157.953.440
Chi phí phải trả	340.855.636	-	340.855.636
Vay và nợ thuê tài chính	17.154.169.454	173.451.536.009	190.605.705.463
Phải trả khác	6.086.124.073	-	6.086.124.073
Cộng	43.739.102.603	173.451.536.009	217.190.638.612
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.429.081.766	-	10.429.081.766
Chi phí phải trả	679.679.344	-	679.679.344
Vay và nợ thuê tài chính	13.923.426.925	180.014.976.909	193.938.403.834
Phải trả khác	5.406.836.552	-	5.406.836.552
Cộng	30.439.024.587	180.014.976.909	210.454.001.496

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.454.473.201	-	10.454.473.201
Phải thu khách hàng	14.658.782.449	-	14.658.782.449
Phải thu khác	1.903.778.991	-	1.903.778.991
Cộng	27.017.034.641	-	27.017.034.641
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.044.840.881	-	14.044.840.881
Phải thu khách hàng	12.703.287.309	-	12.703.287.309
Phải thu khác	824.654.266	-	824.654.266
Cộng	27.572.782.456	-	27.572.782.456

30. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ
Công ty CP Sông Ba	Công ty liên kết của Tổng công ty Điện lực miền Trung (Công ty mẹ)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:**

Giao dịch		Năm 2018	Năm 2017
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	Bán điện	105.988.675.393	82.498.206.964
Công ty CP Sông Ba	Ứng trước tiền dịch vụ	144.866.500	-

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2018	Năm 2017
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	1.605.411.082	1.474.800.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.397.830.445	1.325.331.502

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Phương Minh

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 01 năm 2019

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Nga

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2018, HĐQT kính gửi đến Đại hội đồng cổ đông báo cáo của HĐQT năm 2018 về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019, như sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty

HQĐT đã chỉ đạo Công ty thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ năm 2018 theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2018. Trong năm qua, mặc dù thời tiết khu vực miền Trung biến đổi bất thường, khô hạn kéo dài trong 6 tháng cuối năm, thiếu nước để phát điện. Tình trạng hoạt động thiết bị của nhà máy thủy điện Đa Krông 1 chưa ổn định làm ảnh hưởng đến công tác vận hành của nhà máy, nhưng Công ty đã nỗ lực phấn đấu, tổ chức thực hiện có hiệu quả mọi mặt hoạt động theo mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông giao. HĐQT đã thống nhất đánh giá Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018, tạo được tiền đề phát triển vững chắc trong tương lai. Các thành quả nổi trội đã đạt được như sau:

1.1. Về sản xuất kinh doanh

+ Tổng sản lượng điện thương phẩm là 89,45 triệu kWh; tổng doanh thu đạt 106,75 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 28,88 tỷ đồng, vượt 23,66% kế hoạch giao.

+ Mức cổ tức đạt 10% (cao hơn kế hoạch mà ĐHCĐ giao là 8,5%).

+ Nộp ngân sách nhà nước: 25,86 tỷ đồng.

+ Công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị và hạng mục thủy công được thực hiện chủ động, đảm bảo theo kế hoạch đề ra. Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất tiếp tục có nhiều hiệu quả; công tác an toàn vệ sinh lao động được thực hiện đảm bảo, không để xảy ra tai nạn lao động.

1.2. Về đầu tư xây dựng cơ bản

Hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa nhà máy thủy điện Đa Krông 1 vào vận hành đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và kinh tế; đạt hiệu quả bước đầu về tìm kiếm cơ hội mở rộng đầu tư sang lĩnh vực điện gió, đã hoàn thành hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án điện gió Tân Lập và đang xin chủ trương nghiên cứu dự án điện gió Hướng Sơn 3.

1.3. Về công tác quản trị doanh nghiệp

+ Công tác quản trị doanh nghiệp tiếp tục được tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc và tiết kiệm chi phí hoạt động (giảm 18,82% so với định mức); chủ động thực hiện thành công nhiều giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật;

chấp hành tốt các quy định của Nhà nước trong các lĩnh vực hoạt động và quản trị công ty.

+ Với thành tích đã đạt được, Công ty đủ điều kiện xếp loại A (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018) theo quy định tại Thông tư 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về giám sát tài chính và đánh giá kết quả hoạt động doanh nghiệp có vốn nhà nước.

2. Tình hình hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT

HĐQT gồm 6 thành viên, 1 người là Chủ tịch HĐQT chuyên trách, 5 thành viên còn lại đều làm việc theo chế độ không chuyên trách (trong đó có 1 người là Tổng giám đốc). Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 4 phiên họp thường kỳ, có mời Ban kiểm soát tham dự. Các phiên họp thường kỳ của HĐQT:

Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch	4	100%
Nguyễn Thị Hương	Thành viên	4	100%
Nguyễn Lương Minh	Thành viên	4	100%
Phạm Quốc Khánh	Thành viên (Đến ngày 08/6/2018)	1	100%
Đình Châu Hiếu Thiện	Thành viên (Đến ngày 08/6/2018)	1	100%
Võ Hòa	Thành viên (Từ ngày 08/6/2018)	3	100%
Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên (Từ ngày 08/6/2018)	3	100%
Phạm Phong	Thành viên (Từ ngày 08/6/2018)	3	100%

HĐQT đã quyết nghị những chủ trương theo thẩm quyền và đã giải quyết kịp thời, linh hoạt các nội dung, những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện mà Tổng giám đốc đề trình, đáp ứng yêu cầu công việc, mà vẫn đảm bảo bám theo các quy định của Nhà nước. Hầu hết các nội dung quyết nghị của HĐQT đều được các thành viên HĐQT nhất trí 100%. Các vấn đề chính đã được HĐQT thảo luận, quyết nghị như sau: đánh giá kết quả hoạt động năm 2017; thống nhất thời gian tổ chức và dự thảo văn kiện trình ĐHCĐ thường niên - 2018; phê duyệt kế hoạch tiền lương và chi phí hoạt động của PC3-INVEST năm 2018; phê duyệt phương án chi trả cổ tức năm 2017; quyết định chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2018; thống nhất chủ trương lập lại BCNCKT ĐTXD, TKBVTC-DT Nhà máy thủy điện hồ B thuộc Dự án thủy điện Đăk Pône; bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Dương Long; ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT đã làm việc cẩn trọng, hiệu quả, theo dõi chặt chẽ các hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao vì sự phát triển của Công ty và vì lợi ích của cổ đông. HĐQT chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động của Công ty một cách nhạy bén với diễn biến của tình hình chung, đã giám sát Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và mọi mặt hoạt động của Công ty theo

Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Từng thành viên HĐQT đã luôn thực hiện tốt vai trò chỉ đạo cho hoạt động sản xuất chung của Công ty. HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, cụ thể:

(1) Ông Ngô Tấn Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị: Các vấn đề về chiến lược, vốn đầu tư, tổ chức, nhân sự của Công ty.

(2) Bà Nguyễn Thị Hương - Thành viên Hội đồng quản trị: Các vấn đề về tài chính; thu xếp vốn đầu tư.

(3) Ông Võ Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị: Các vấn đề về công tác ứng dụng khoa học công nghệ; nhân sự, lương - thưởng cho người lao động.

(4) Ông Nguyễn Thanh Lâm - Thành viên Hội đồng quản trị: Các vấn đề về đầu tư phát triển.

(5) Ông Phạm Phong - Thành viên Hội đồng quản trị: Các vấn đề về sản xuất - kinh doanh.

(6) Ông Nguyễn Lương Minh - Thành viên Hội đồng quản trị: Tham gia các vấn đề chiến lược, tài chính; tổ chức điều hành mọi hoạt động của Công ty theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Tiền lương, thù lao của HĐQT:

+ Tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 43,2 triệu đồng x 1 người x 12 tháng = 518,4 triệu đồng.

+ Thù lao của Thành viên HĐQT: 8 triệu đồng x (4 người x 12 tháng + 1 người x 7 tháng) = 440 triệu đồng.

3. Kết quả giám sát Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý của Công ty

Năm 2018, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về thời tiết và tình trạng thiết bị của nhà máy thủy điện Đa Krông 1 nhưng Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều biện pháp hữu hiệu để tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà ĐHCĐ và HĐQT giao. Tổng giám đốc đã nỗ lực tổ chức thành công việc tăng sản lượng điện giờ cao điểm, tiết kiệm chi phí hoạt động, giảm chi phí vốn, tăng năng suất lao động... đã làm tăng lợi nhuận 23,66% so với kế hoạch. HĐQT đã giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và nhận thấy, công tác điều hành được thực hiện đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Tổng giám đốc làm việc rất năng động, sâu sát, quyết tâm với công việc và có tinh thần trách nhiệm rất cao. HĐQT đã thống nhất đánh giá Tổng giám đốc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018.

Cán bộ quản lý gồm 11 người (không kể Tổng giám đốc), gồm có 2 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/Phụ trách và Phó Trưởng các bộ phận: Phòng Hành chính - Nhân sự, Phòng Kế hoạch - Đầu tư, Phòng Tài chính, Phòng Kỹ thuật, Ban Quản lý dự án, Chi nhánh tại Kon Tum và Chi nhánh tại Quảng Trị. Qua theo dõi, giám sát, HĐQT đánh giá Cán bộ quản lý đã tuân thủ Pháp luật, Điều lệ và các quy định quản lý nội bộ của Công ty. Trong năm 2018, các Cán bộ quản lý đã nỗ lực cố gắng hoàn thành tốt vai trò của mình, đóng góp to lớn vào thành quả đạt được của toàn Công ty.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019

HĐQT đề ra mục tiêu, nhiệm vụ chính năm 2019 như sau:

1. Tổ chức vận hành các nhà máy thủy điện an toàn, tổng sản lượng điện phát ước đạt 98,76 triệu kWh; tổng doanh thu ước đạt 107,64 tỷ đồng; lợi nhuận ước đạt 28,9 tỷ đồng; cổ tức dự kiến 5% (tính theo vốn điều lệ lũy kế đến cuối năm 2019) sẽ được phân phối bằng cổ phiếu để đầu tư dự án Nhà máy điện gió Tân Lập (nếu được quyết định đầu tư dự án).

2. Thu xếp vốn điều lệ đáp ứng kế hoạch đầu tư xây dựng, ước năm 2019 vốn điều lệ tăng 105 tỷ đồng.

3. Hoàn thành thủ tục, phê duyệt bổ sung quy hoạch; lập, phê duyệt Báo cáo NCKT dự án điện gió Tân Lập (giai đoạn 1: 30 MW) tại Tỉnh Quảng Trị; triển khai các thủ tục giải phóng mặt bằng, thuê đất và các công tác chuẩn bị thi công công trình.

4. Triển khai lập Báo cáo NCKT, Thiết kế Nhà máy thủy điện hồ B và Nâng cao đập hồ A - Đăk Pône; thực hiện công tác liên quan để triển khai thi công xây dựng Nhà máy thủy điện hồ B.

5. Hoàn thành thủ tục, phê duyệt Báo cáo NCKT, triển khai Thiết kế công trình Nhà làm việc PC3-INVEST, chuẩn bị triển khai thi công xây dựng.

6. Tiếp tục xúc tiến các thủ tục xin khảo sát, nghiên cứu dự án điện gió Hướng Sơn 3 (30MW) tại Tỉnh Quảng Trị.

HĐQT xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của quý cổ đông trong thời gian qua, rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Kính chúc quý vị đại biểu, quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công. Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST);

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2018 của ĐHĐCĐ thường niên 2018 - PC3-INVEST;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát kính báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019 kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2018 và kế hoạch công tác năm 2019, cụ thể như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Xem xét, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2018 của HĐQT, Ban điều hành Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực và chính xác trong việc ghi chép sổ sách kế toán và công tác lập báo cáo tài chính hằng quý, 6 tháng và năm của Công ty; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động... của Công ty, kiểm soát chi phí hoạt động, doanh thu, việc sử dụng vốn trong công tác đầu tư xây dựng; thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán.

- Kiểm tra, giám sát công tác công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán và các công tác khác theo quy định.

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ giám sát: Ban kiểm soát được mời và đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, giám sát đầy đủ hoạt động điều hành của HĐQT trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát đã kịp thời khuyến nghị đến HĐQT những vấn đề cần giải quyết để

công tác quản lý điều hành hiệu quả hơn, các khuyến nghị của Ban kiểm soát đều được HĐQT xem xét, xử lý kịp thời để hoạt động của PC3-INVEST tuân thủ đúng quy định Pháp luật, nâng cao hiệu quả quản trị và đảm bảo quyền lợi cổ đông.

*** Một số hoạt động cụ thể của Ban kiểm soát như sau:**

- Tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT:

+ Phiên họp lần thứ I/2018 ngày 11/04/2018 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

+ Phiên họp lần thứ II/2018 ngày 08/06/2017 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

+ Phiên họp lần thứ III/2018 ngày 15/10/2018 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

+ Phiên họp lần thứ IV/2018 ngày 17/12/2018 tại Văn phòng Công ty số 182 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

- Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

+ Ngày 02/03/2018: Họp thông qua báo cáo giám sát kiểm tra hoạt động năm 2017 của PC3-INVEST.

+ Ngày 08/06/2018: Họp bầu Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

+ Ngày 24/08/2018: Họp thông qua báo cáo giám sát kiểm tra hoạt động 6 tháng đầu năm 2018 của PC3-INVEST.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/Đơn vị trực thuộc Công ty để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát:

Tiền lương và thù lao của các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2018 được Công ty thực hiện đúng theo quy định và định mức theo Nghị quyết số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/06/2018 của ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua, cụ thể:

- Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách và thù lao của Kiểm soát viên là: 381,6 triệu đồng, trong đó:

+ Trưởng BKS chuyên trách: $22,8 \text{ triệu đ/tháng} \times 1 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 273,6 \text{ triệu đồng}$.

+ Kiểm soát viên: $4,5 \text{ triệu đ/tháng} \times 2 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 108 \text{ triệu đồng}$.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ TÀI CHÍNH NĂM 2018.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2018, PC3-INVEST đã hoàn thành công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị và công trình thủy công theo kế hoạch bảo trì 2018, đảm bảo tính sẵn sàng vận hành của thiết bị, tích cực áp dụng nhiều biện pháp cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tích nước phù hợp để phát điện trong giờ cao điểm. Tổng sản lượng điện thương phẩm năm 2018 là 89,45 triệu kWh (đạt 90,57% so với kế hoạch); tổng

doanh thu đạt 106,75 tỷ đồng (đạt 99,27% so với kế hoạch); lợi nhuận đạt 28,88 tỷ đồng, vượt 23,66% kế hoạch giao.

Công tác ATVSLĐ, PCCN, PCLB tiếp tục được duy trì tốt và không để xảy ra tai nạn lao động. Trong năm 2018, có 5 đoàn thanh - kiểm tra từ cấp Chính phủ, các Bộ, ngành của địa phương về chấp hành pháp luật trong công tác an toàn đập, bảo vệ môi trường, chất thải nguy hại, PCCC và cứu nạn cứu hộ.... tại NMTĐ Đa Krông 1 và Đăk Pône. Kết quả thanh - kiểm tra của các đoàn đều đánh giá Công ty không có vi phạm, đã chủ động tuân thủ pháp luật có liên quan trong công tác vận hành các nhà máy thủy điện.

2. Công tác đầu tư xây dựng:

Công tác quản lý dự án được thực hiện đảm bảo các quy định của Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT, cụ thể như sau:

2.1. Công trình nhà máy thủy điện Đa Krông 1:

Công ty đã hoàn thành thi công, phát điện hòa lưới tổ máy H2 vào ngày 31/12/2017 và tổ máy H1 vào ngày 30/01/2018 đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và trình tự ĐTXD theo quy định của Nhà nước. Công tác tổ chức sản xuất đã dần ổn định, nhân viên vận hành nắm bắt và làm chủ được công nghệ của nhà máy, linh hoạt bố trí thời gian vừa sản xuất vừa dừng máy để khắc phục các tồn tại trong quá trình xây lắp nhưng vẫn tận dụng được nguồn nước để phát điện. Công tác quyết toán vốn đầu tư đã cơ bản hoàn thành, đang được kiểm toán độc lập để quyết toán vốn đầu tư công trình.

2.2. Công trình nhà máy thủy điện Đăk Pône:

Công ty đã hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch Dự án thủy điện Đăk Pône (quyết định số 2814/QĐ-BCT ngày 10/8/2018 của Bộ Công thương). Tuy nhiên, theo quy định mới về QLĐT dự án thủy điện, đã phát sinh thêm các công tác như: đánh giá lại tác động môi trường khi nâng đập hồ A, lập lại Báo cáo NCKT nhà máy thủy điện hồ B. Đến nay, Công ty đã tổ chức đấu thầu, chọn Tư vấn lập Báo cáo NCKT và Thiết kế nhà máy thủy điện hồ B, đang xem xét lại hiệu ích tài chính việc nâng đập hồ A để có quyết định đầu tư phù hợp.

2.3. Các dự án điện gió:

- Dự án điện gió Tân Lập - 30MW (đã được UBND tỉnh Quảng Trị cho phép nghiên cứu dự án): Công ty đã phối hợp với Tư vấn hoàn thành công tác xây dựng trụ và thu thập số liệu đo gió (12 tháng), lập và trình hồ sơ báo cáo bổ sung quy hoạch cho Sở Công thương, UBND tỉnh Quảng Trị đúng kế hoạch đã định.

- Dự án điện gió Hướng Sơn 3 - 30MW (đang chờ UBND Tỉnh Quảng Trị cho phép nghiên cứu dự án): Công ty đã cùng UBND huyện Hướng Hóa, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương tỉnh Quảng Trị khảo sát, thống nhất phạm vi dự án điện gió Hướng Sơn 3, đã trình UBND tỉnh Quang Trị và chờ chủ trương cho phép Công ty nghiên cứu, khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án này tại xã Raly, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

2.4. Dự án nhà làm việc PC3-INVEST:

Công ty đã phối hợp cùng Tư vấn hoàn thành hồ sơ Báo cáo NCKT, đã trình hồ sơ thiết kế cơ sở đến Sở Xây dựng và hồ sơ PCCC đến Phòng Cảnh sát PCCC và cứu hộ cứu nạn - CA TP Đà Nẵng (CA PCCC) để thẩm định. Đến nay, hồ sơ PCCC đã được CA PCCC thống nhất, Công ty đang tiếp tục làm việc với Sở Xây dựng về hồ sơ thiết kế cơ sở.

2.5. Tình hình giải ngân trong năm 2018:

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung chi phí	Kế hoạch 2018	Giải ngân 2018
1	Dự án thủy điện Đắk Pône	4.740,00	394,16
a	Nhà máy thủy điện hồ B	2.276,00	249,29
b	Nâng đập hồ A	2.340,00	144,87
c	Bậc chắn nước thác Đắk Ke	124,00	0,00
2	Dự án thủy điện Đa Krông 1	33.400,00	23.229,09
3	Dự án điện gió Tân Lập	1.168,00	817,67
4	Dự án điện gió Hướng Sơn 3	500,00	0,00
5	Dự án nhà PC3-INVEST	5.000,00	115,80
	Tổng cộng	44.808,00	24.556,72

Công ty thường xuyên theo dõi, quản lý nguồn tiền và kế hoạch giải ngân nên chủ động trong việc cân đối, sử dụng hiệu quả các nguồn tiền. Việc giải ngân khối lượng XDCB được Công ty thực hiện đúng quy định (có kế hoạch, đúng đối tượng và đúng tiến độ), không để xảy ra tình trạng chi sai mục đích, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí hay sai sót trong công tác lãnh đạo - quản lý.

3. Công tác tài chính - Quản lý cổ đông:

3.1. Tình hình chi trả cổ tức và huy động vốn: Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Công ty đã thực hiện các thủ tục chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông. Lũy kế vốn góp của Công ty tính đến ngày 31/12/2018 là 303,110 tỷ đồng - chi tiết như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên cổ đông	Vốn đã góp	
	Số tiền	Tỷ lệ
1. Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	224.536,00	74,08%
2. Ngân hàng TMCP An Bình	15.659,28	5,17%
3. Công ty TNHH Đại Hoàng Hà	4.876,20	1,61%
4. Công ty CP Điện lực Khánh Hoà	12.454,00	4,11%
5. Công ty CPTĐ ĐTTMCN Việt Á	1.872,00	0,62%
6. Các Cổ đông khác	43.722,18	14,42%
TỔNG CỘNG	303.110,66	100%

3.2. Đánh giá tình hình chấp hành nghĩa vụ thu nộp với NSNN:

Công ty thực hiện đầy đủ, đúng hạn công tác kê khai thuế hàng tháng, tình hình sử dụng hoá đơn, quyết toán thuế đầy đủ đúng quy định về thời gian và nội dung biểu mẫu. Tình hình chấp hành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước được Công ty thực hiện đúng quy định của Bộ Tài chính và Tổng cục thuế. Tổng số thực hiện nộp ngân sách trong năm 2018 là 25,86 tỷ đồng. Trong năm 2018, Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Kon Tum (CNKT) đã được Bộ Tài chính tặng bằng khen là 1 trong 4 doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Kon Tum về thành tích thực hiện tốt về công tác kê khai, nộp thuế năm 2017. Đây là năm thứ 3 liên tiếp, CNKT nhận khen thưởng của Cục thuế tỉnh Kon Tum, Tổng Cục thuế và Bộ Tài chính liên quan đến công tác thuế; Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Quảng Trị (CNQT) cũng đã được Cục thuế và UBND tỉnh Quảng Trị tặng bằng khen về chấp hành tốt Pháp luật về thuế trong năm 2018.

3.3. Thực hiện kế hoạch chi phí hoạt động, tiền lương năm 2018:

- Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2018:

+ Lao động có mặt đến 01/01/2018:	66 người
+ Kế hoạch tăng cho năm 2018:	07 người
+ Lao động tăng trong năm 2018:	01 người
+ Lao động giảm trong năm 2018:	0 người
+ Lao động có mặt đến 31/12/2018:	67 người

Tính đến ngày 31/12/2018, tổng số lao động là 67 người, tăng 01 người so với năm 2017 (tăng 01 công nhân vận hành nhà máy thủy điện Đăk Pône). Tất cả CBCNV đều được đóng bảo hiểm (BHYT, BHTN, BHXH) đúng theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động; việc ký kết hợp đồng lao động, xếp lương, nâng lương cho CBCNV được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động và thoả ước lao động tập thể; đã tổ chức công tác khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV và trang bị đầy đủ công tác bảo hộ lao động cho lực lượng công tác tại hiện trường; Công ty luôn tạo điều kiện tốt về thời gian, kinh phí cho Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TN CS HCM hoạt động, góp phần quan trọng trong thắng lợi chung của Công ty và xây dựng môi trường lao động dân chủ, công bằng.

- Thực hiện chi phí hoạt động năm 2018 đã được HĐQT duyệt: Công ty luôn chủ trương tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, chỉ chi tiêu cho các công việc thực sự cần thiết, cắt giảm các khoản chi chưa cần thiết. Tổng chi phí phục vụ cho hoạt động năm 2018 là 23,72 tỷ đồng (~ 81,18% giá trị đã được HĐQT duyệt là 29,22 tỷ đồng).

3.4: Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018:

- Công tác lập báo cáo tài chính:

+ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ tư cách pháp lý kiểm toán các Công ty niêm yết. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán lập và trình bày theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với

các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

+ Công tác báo cáo, công bố thông tin định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN; Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được Công ty thực hiện đúng theo quy định.

- Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018:

Chỉ tiêu	Năm 2018
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	
1. Khả năng thanh toán hiện hành	0,63
II. Chỉ tiêu phản ánh khả năng tự chủ về tài chính	
1. Tỷ suất nợ/Tổng tài sản	40,43%
2. Tỷ suất nợ/vốn chủ sở hữu	67,88%

Tính đến 31/12/2018, tình hình tài chính của Công ty thể hiện được tính hiệu quả, lành mạnh tích cực:

- Trong năm 2018, các khoản công nợ phải thu, phải trả được kiểm soát chặt chẽ, không có phát sinh nợ phải thu khó đòi hay quá hạn phải trả. Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán của Công ty ngày 31/12/2018 phản ánh tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

- Tỷ suất nợ: 40,43%, tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu: 67,88% đã thể hiện tính độc lập về tài chính của Công ty. Tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu đảm bảo nằm trong mức an toàn cho phép.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Giám sát về công tác quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2018, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành nhằm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2018 đã đề ra, lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch; duy trì và bảo toàn vốn của cổ đông.

Hoạt động của HĐQT được tiến hành đúng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. HĐQT đã tổ chức họp định kỳ, bàn bạc tập thể, được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ các nội dung và ban hành thành Nghị Quyết. Các công việc cần triển khai theo Nghị quyết của HĐQT đều được Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định.

Trong năm 2018, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện nhiệm vụ điều hành Công ty một cách trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng theo đúng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty đề ra.

2. Tình hình thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2018:

- Công ty luôn nghiêm chỉnh chấp hành mọi nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, không để xảy ra lỗi chủ quan làm chậm trễ hay thất thoát vốn. Công tác quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Đắk Pône (hồ A - 14MW), Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 luôn được thực hiện tốt, đảm bảo công tác an toàn lao động; luôn chủ trương tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, chỉ chi tiêu cho các công việc thực sự cần thiết, cắt giảm hoặc hoãn chi các khoản chưa cần thiết.

- Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2018 vào ngày 08/6/2018; Luôn nghiêm chỉnh chấp hành mọi Nghị quyết, Quyết định của chủ sở hữu, không để xảy ra lỗi chủ quan làm chậm trễ hay thất thoát vốn.

- Thực hiện vượt chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên - 2018.

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên - 2018.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính - 2018.

- Chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018 theo đúng mức đã được ĐHĐCĐ thường niên - 2018 thông qua.

3. Quan hệ với cổ đông và thị trường chứng khoán:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã kịp thời phản hồi thông tin đến các cổ đông liên quan kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3, Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông bằng văn bản về hoạt động kinh doanh của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Chúng tôi cho rằng, ở mức độ nhất định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 trong năm 2018 thông qua những người điều hành đạt được sự tin tưởng của cổ đông.

Trong năm 2018, việc công bố thông tin và chấp hành giao dịch cổ phiếu niêm yết sàn giao dịch của những người có liên quan đến HĐQT, Ban Tổng giám đốc được thực hiện một cách nghiêm túc, không vi phạm.

IV. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2018:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự ủng hộ của Quý cổ đông, sự quan tâm và tạo điều kiện từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban và toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3, Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ theo đúng Điều lệ Công ty, tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT và các cuộc kiểm tra của Ban kiểm soát tại Công ty.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 đã thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng theo đúng Pháp luật hiện hành của Nhà nước và Điều lệ hoạt động của Công ty.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT: Ban kiểm soát dự kiến kế hoạch công tác trong năm 2019, cụ thể như sau:

- Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Xem xét, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019 của HĐQT, Ban điều hành Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực và chính xác trong việc ghi chép sổ sách kế toán và công tác lập báo cáo tài chính hằng quý, 6 tháng và năm của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát công tác công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

- Thực hiện kiểm tra chuyên đề về công tác quản lý tài chính; công tác đấu thầu, mua sắm, quản lý VTTB và công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình ĐTXD.

- Và thực hiện các công tác khác theo quy định.

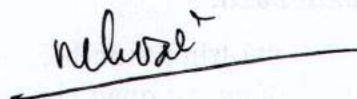
Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2018, Ban kiểm soát kính trình đến Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019. Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của quý cổ đông trong thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông trong thời gian đến.

Kính chúc quý vị đại biểu, quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.
Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Trình ĐHĐCĐ;
- HĐQT (báo cáo);
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Hoài

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /TTr-BKS

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST);

Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019;

Qua tìm hiểu một số đơn vị kiểm toán có năng lực và kinh nghiệm và được biết Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC và Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam Chi nhánh miền Trung cùng đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được phép kiểm toán tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp nhận đủ điều kiện để kiểm toán các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

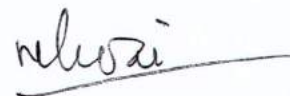
Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thống nhất và ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định lựa chọn một trong hai đơn vị kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Hoài

TỜ TRÌNH
Về việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;
Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.311.066 CP
II	Lợi nhuận	
1	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	30.818.545.204 đồng
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.934.094.371 đồng
3	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (1) - (2)	28.884.450.833 đồng
4	Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm 2017 chuyển sang	8.575.585.718 đồng
5	Lợi nhuận dùng để phân phối (3) + (4)	37.460.036.551 đồng
III	Phân phối lợi nhuận	
1	Phân phối quỹ	4.631.000.000 đồng
a	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>4.109.000.000 đồng</i>
b	<i>Quỹ thưởng người quản lý công ty (1,5 tháng lương)</i>	<i>522.000.000 đồng</i>
2	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2019	2.517.970.551 đồng
3	Cổ tức	
a	<i>Lợi nhuận còn lại chia cổ tức (II.5-III.1-III.2)</i>	<i>30.311.066.000 đồng</i>
b	<i>Tỷ lệ cổ tức (III.3.a/I)</i>	<i>10,0%</i>
IV	Chia cổ tức bằng cổ phiếu 10% (30.311.066.000 đồng) vào quý II/2019.	

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Ngô Tấn Hồng

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2019 của HĐQT và BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, BKS trong năm 2019,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2019 của HĐQT và BKS, cụ thể như sau: Đơn vị: đồng

STT	HĐQT, BKS	Thù lao/tháng	Tiền lương/tháng	HS tăng thêm	Số người	Số tháng	Thù lao, tiền lương/năm
I	HĐQT						842.400.000
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		27.000.000	0,3	1	12	421.200.000
2	Thành viên HĐQT	7.020.000			5	12	421.200.000
II	BKS						403.200.000
1	Trưởng BKS chuyên trách		24.000.000		1	12	288.000.000
2	Kiểm soát viên	4.800.000			2	12	115.200.000
	Tổng cộng:						1.245.600.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Ngô Tấn Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 27/ CV-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2019

THÔNG BÁO

**Về việc danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan và lợi ích có liên quan
với Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Điều 195 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Hội đồng quản trị kính thông báo Đại hội đồng cổ đông danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan và lợi ích có liên quan với Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST), như sau:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại PC3-INVEST	Lợi ích có liên quan với PC3-INVEST
I	Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ		
1	Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVNCPC)	Không	Là Bên mua điện từ năm 2010
II	Người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp		
1	Ông Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch HĐQT	
a	Vợ - Nguyễn thị Kim Thủy	Không	Không có
b	Con ruột - Ngô Tấn Hưng	Không	Không có
c	Chị ruột - Ngô Thị Thanh	Không	Không có
d	Chị ruột - Ngô Thị Thoại	Không	Không có
e	Anh ruột - Ngô Tấn Châu	Không	Không có
f	Em ruột - Ngô Thị Nguyệt	Không	Không có
g	Em ruột - Ngô Thị Lăng	Không	Không có
2	Ông Nguyễn Lương Minh	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	
a	Cha đẻ - Nguyễn Lương Mỹ	Không	Không có
b	Mẹ đẻ - Trần Thị Diệu Khuê	Không	Không có
c	Vợ - Nguyễn Thị Lan Giao	Không	Không có
d	Con ruột - Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	Không	Không có
e	Con ruột - Nguyễn Thị Hạnh Đoan	Không	Không có
f	Chị ruột - Nguyễn Thị Mỹ Châu	Không	Không có
g	Anh rể - Nguyễn Đăng Trường	Không	Không có
h	Chị ruột - Nguyễn Thị Mỹ Trân	Không	Không có

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại PC3-INVEST	Lợi ích có liên quan với PC3-INVEST
i	Anh rể - Huỳnh Văn Lộc	Không	Không có
j	Chị ruột - Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Không	Không có
k	Anh rể - Nguyễn Công Đông	Không	Không có
l	Em ruột - Nguyễn Lương Giám	Không	Không có
m	Em dâu - Lê Thị Hoàng Chinh	Không	Không có
3	Ông Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên HĐQT	
a	Vợ - Lê Thị Phương Hồng	Không	Không có
b	Chị ruột - Nguyễn Thị Kim Anh	Không	Không có
c	Em ruột - Nguyễn Thanh Hải	Không	Không có
4	Ông Phạm Phong	Thành viên HĐQT	
a	Cha đẻ - Phạm Lượng	Không	Không có
b	Vợ - Hồ Thị Thu Hương	Không	Không có
c	Con ruột - Phạm Quang Phúc Bảo	Không	Không có
d	Con ruột - Phạm Hồ Khánh Như	Không	Không có
e	Em ruột - Phạm Thị Ngọc	Không	Không có
f	Em ruột - Phạm Thị Phê	Không	Không có
g	Em ruột - Phạm Văn Mạnh	Không	Không có
h	Em ruột - Phạm Minh Châu	Không	Không có
i	Em ruột - Phạm Đình Khánh	Không	Không có
j	Em ruột - Phạm Thị Ánh Nguyệt	Không	Không có
k	Em ruột - Phạm Quốc Hưng	Không	Không có
5	Ông Võ Hòa	Thành viên HĐQT	
a	Mẹ đẻ - Nguyễn Thị Hùi	Không	Không có
b	Vợ - Nguyễn Thị Mỹ Châu	Không	Không có
c	Con ruột - Võ Hoàng Nguyên	Không	Không có
d	Con ruột - Võ Thị Hoàng Oanh	Không	Không có
e	Em ruột - Võ Thị Liên	Không	Không có
f	Em ruột - Võ Hiệp	Không	Không có
g	Em ruột - Võ Việt Tuyền	Không	Không có
h	Em ruột - Võ Thị Hà	Không	Không có
6	Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	Không có
a	Cha đẻ - Nguyễn Quang Thường	Không	Không có
b	Mẹ đẻ - Đỗ Thị Oanh	Không	Không có
c	Chồng - Trần Đình Thắng	Không	Không có
d	Con ruột - Trần Đình Khánh	Không	Không có

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại PC3-INVEST	Lợi ích có liên quan với PC3-INVEST
e	Em ruột - Nguyễn Thị Hiền	Không	Không có
f	Em rể - Nguyễn Tất Đạt	Không	Không có
g	Em ruột - Nguyễn Quý Dương	Không	Không có
h	Em dâu - Vũ Thị Hiền	Không	Không có
i	Em ruột - Nguyễn Việt Đức	Không	Không có

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Số: 50 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của
Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3
(Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các thông tư hướng dẫn liên quan;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 162/2015/TT-BTC hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 về vốn đầu tư phát triển để phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phát



hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ với nội dung như sau:

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3
2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
3. Mã chứng khoán : PIC
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Tổng số cổ phần đã phát hành: 30.311.066 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 30.311.066 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành tối đa : 7.468.894 cổ phần
9. Tổng giá trị cổ phần phát hành theo mệnh giá: 74.688.940.000 đồng
10. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:
 - Vốn điều lệ trước phát hành dự kiến : 333.421.720.000 đồng
 - Số vốn điều lệ dự kiến tăng : 74.688.940.000 đồng
 - Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành : 408.110.660.000 đồng
11. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp để thực hiện quyền mua. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông để đảm bảo khả năng thành công của phương án.
12. Phương án phát hành cụ thể cho từng đối tượng như sau:
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 7.468.894 cổ phiếu
 - Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 74.688.940.000 đồng
 - Phương thức chào bán: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
 - Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Tổng khối lượng vốn tối thiểu huy động dự kiến: 74.688.940.000 đồng.
 - Mục đích chào bán: Huy động nguồn vốn để đầu tư xây dựng Dự án: Nhà máy điện gió Tân Lập (thời gian giải ngân dự kiến: trong năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020, phân bổ theo nhu cầu phát sinh của dự án).
 - Phương thức phân phối:

- Đối với nhà đầu tư đã lưu ký chứng khoán: cổ phiếu sẽ được phân phối thông qua các thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu.
 - Đối với nhà đầu tư chưa lưu ký chứng khoán: cổ phiếu sẽ được phân phối tại Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3.
- Tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến: 125:28.

(Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 125 quyền mua thêm cổ phiếu sẽ được mua thêm 28 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu mua được làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

Giao cho HĐQT chuẩn xác lại tỷ lệ thực hiện quyền sau khi Công ty hoàn tất các thủ tục chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu.

- Điều khoản chuyển nhượng: Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán đối với số lượng cổ phiếu được chào bán cho đối tượng khác trong trường hợp cổ đông hiện hữu không mua hết số lượng cổ phiếu được phân phối trong đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng theo đúng quy định tại Mục 3, Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015.

- Quyền mua cổ phần và chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông không thực hiện quyền mua cổ phiếu mới thì được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba); ủy quyền cho Hội đồng quản trị lên kế hoạch về thực hiện thời gian chuyển nhượng và cách thức chuyển nhượng.

13. Nguyên tắc xử lý cổ phiếu không chào bán hết:

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) được ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức hợp lý với điều kiện giá chào bán cho các đối tượng khác theo quyết định cụ thể của Hội đồng quản trị nhưng phải không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

- Cổ phiếu phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định



của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

- Việc phân phối cổ phiếu nêu trên đảm bảo nguyên tắc không phát hành quá 10% vốn điều lệ của tổ chức phát hành cho một tổ chức, cá nhân hay một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó theo quy định của luật số 62/2010/QH12, Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.
- Thông qua việc nhà đầu tư được Hội đồng quản trị phân phối lại cổ phiếu dẫn đến tỷ lệ sở hữu vượt quá các mức chào mua công khai theo quy định thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- Trường hợp Hội đồng quản trị không lựa chọn được đối tác để phân phối lại số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu không phân phối hết, Hội đồng quản trị ra quyết định hủy bỏ số lượng cổ phiếu trên.

14. Rủi ro của việc pha loãng cổ phiếu:

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã chứng khoán là PIC. Giá tham chiếu cổ phiếu PIC tại ngày giao dịch không hưởng quyền để thực hiện quyền mua cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh tương ứng theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu (điều chỉnh)} = \frac{\text{SLCP đang lưu hành trước phát hành} \times \text{Giá CP trước phát hành} + \text{SLCP phát hành cho CĐHH} \times \text{Giá phát hành}}{\text{Tổng SLCP sau phát hành}}$$

Theo đó:

STT	Nội dung	Năm 2019 (dự kiến)
1	Số lượng cổ phần trước thời điểm thực hiện phát hành – Cổ phiếu quỹ	33.342.172
2	Số lượng cổ phần phát hành thêm (cổ phần)	7.468.894
3	Số lượng cổ phần sau khi phát hành (cổ phần) $\{=(1)+(2)\}$	40.811.066

Giả sử giá đóng cửa cổ phiếu PIC vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 13.000 đồng/cổ phiếu. tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của PIC được định như sau:

$$\text{Giá tham chiếu (điều chỉnh)} = \frac{33.342.172 \times 13.000 + 7.468.894 \times 10.000}{40.811.066} = 12.451 \text{ đ/CP}$$

Lưu ý: Giá cổ phiếu PIC trong ví dụ trên có thể biến động và thay đổi tại

thời điểm chốt DSCĐ, ví dụ nêu trên chỉ nhằm mục đích chứng minh sự thay đổi về giá cổ phần khi cổ phiếu bị pha loãng.

15. Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến thực hiện trong năm 2019, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép phát hành.

16. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng đầu tư cho dự án: Nhà máy điện gió Tân Lập.

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Dự án: Nhà máy điện gió Tân Lập	74.688.940.000	Trong năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020, phân bổ theo nhu cầu phát sinh của dự án.
	TỔNG CỘNG	74.688.940.000	

Trường hợp kết thúc thời gian chào bán (hoặc gia hạn nếu có) mà không thể huy động vốn đã đăng ký nêu trên, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ trên tình hình chào bán thực tế, quyết định số lượng cổ phiếu chào bán thực tế và mức vốn điều lệ thực tế tăng thêm.

17. Thông qua việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đối với số lượng cổ phiếu mới phát hành. Số lượng cổ phiếu mới phát hành được đưa vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn một năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

18. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên bản điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.

19. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội triển khai các thủ tục cần thiết để tổ chức bán đấu giá cổ phiếu mới phát hành.
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết.
- Quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.



- Thực hiện hồ sơ đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với số lượng cổ phiếu mới phát hành.
- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng.
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Tấn Hồng

**(DỰ THẢO) NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên - 2019,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD-ĐTXD năm 2018 và nhiệm vụ năm 2019 được trình bày tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../.../2019 của Hội đồng quản trị, với các nội dung chính sau:

a. Kết quả SXKD-ĐTXD năm 2018: Mọi mặt hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của HĐQT. Công ty đã có nhiều nỗ lực và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao với các chỉ tiêu trọng yếu, như sau:

a.1. Về nhiệm vụ SXKD: Tổng doanh thu trước thuế đạt 106,75 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế đạt 28,88 tỷ đồng, vượt 23,66% kế hoạch giao; Mức cổ tức đạt 10% (cao hơn kế hoạch mà ĐHĐCĐ giao là 8,5%); Bảo đảm tuyệt đối an toàn lao động; công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, bảo vệ môi trường được thực hiện tốt.

a.2. Về nhiệm vụ ĐTXD: Hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa nhà máy thủy điện Đa Krông 1 vào vận hành đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và kinh tế; đạt hiệu quả bước đầu về tìm kiếm cơ hội mở rộng đầu tư sang lĩnh vực điện gió, đã hoàn thành hồ sơ bổ sung quy hoạch điện gió Tân Lập và đang xin chủ trương nghiên cứu dự án điện gió Hướng Sơn 3.

a.3. Công tác quản trị doanh nghiệp tiếp tục được tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc và tiết kiệm chi phí hoạt động (giảm 18,82% so với dự toán được duyệt); chủ động thực hiện thành công nhiều giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật; chấp hành tốt các quy định của Nhà nước trong các lĩnh vực hoạt động và quản trị công ty.

b. Nhiệm vụ năm 2019:

b.1. Kế hoạch SXKD: Tổng sản lượng điện thương phẩm ước đạt 98,76 triệu kWh (Đăk Pônê: 59,83 triệu kWh và Đa Krông 1: 38,93 triệu kWh); doanh thu bán điện ước đạt 107,34 tỷ đồng (Đăk Pônê: 62,67 tỷ đồng và Đa Krông 1: 44,67 tỷ đồng)

Bảng 1: Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2019

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019		
		Tổng cộng	Đăk Pône	Đa Krông 1
A	HD sản xuất điện năng			
1	Doanh thu	107.342,02	62.674,02	44.668,00
2	Chi phí	59.307,19	33.047,62	26.259,57
3	Lợi nhuận (A1 - A2)	48.034,83	29.626,40	18.408,43
B	HD tài chính và hoạt động khác			
1	Thu nhập (lãi tiền gửi, khác)	300,00	300,00	0,00
2	Chi phí (trả lãi vay, chi phí khác)	17.738,44	0,00	17.738,44
3	Lợi nhuận (B1 - B2)	-17.438,44	300,00	-17.738,44
C	Tổng lợi nhuận trước thuế (A3 + B3)	30.596,39	29.926,40	669,99
D	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.696,32	1.696,32	0,00
E	Tổng lợi nhuận sau thuế (C - D)	28.900,07	28.230,08	669,99

Cổ tức năm 2019 dự kiến 5% (tính theo vốn điều lệ lũy kế đến cuối năm 2019) sẽ được phân phối bằng cổ phiếu để đầu tư dự án Nhà máy điện gió Tân Lập (nếu quyết định đầu tư dự án này).

b.2. Kế hoạch ĐTXD:

Thực hiện thành công kế hoạch huy động vốn và kế hoạch ĐTXD năm 2019, hướng đến thực hiện chiến lược mở rộng quy mô sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất đến năm 2023:

- Hoàn thành thủ tục, phê duyệt bổ sung quy hoạch; lập, phê duyệt Báo cáo NCKT dự án điện gió Tân Lập (giai đoạn 1: 30 MW) tại Tỉnh Quảng Trị; triển khai các thủ tục giải phóng mặt bằng, thuê đất và các công tác chuẩn bị thi công công trình.

- Triển khai lập Báo cáo NCKT, Thiết kế Nhà máy thủy điện hồ B và Nâng cao đập hồ A - Đăk Pône; thực hiện công tác liên quan để triển khai thi công xây dựng Nhà máy thủy điện hồ B.

- Hoàn thành thủ tục, phê duyệt Báo cáo NCKT, triển khai Thiết kế công trình nhà làm việc PC3-INVEST, chuẩn bị triển khai thi công xây dựng.

- Tiếp tục xúc tiến các thủ tục xin khảo sát, nghiên cứu dự án điện gió Hướng Sơn 3 (30MW) tại Tỉnh Quảng Trị.

- Kế hoạch giải ngân ĐTXD năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 như bảng 2.

Bảng 2: Kế hoạch giải ngân ĐTXD

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Giải ngân	
		Năm 2019	6 tháng đầu năm 2020
1	Nhà máy thủy điện hồ B và Nâng đập hồ A- Đăk Pône	6.900,00	19.000,00
2	Dự án thủy điện Đa Krông 1	18.723,00	0,00

TT	Nội dung	Giải ngân	
		Năm 2019	6 tháng đầu năm 2020
3	Dự án điện gió Tân Lập	30.000,00	200.948,00
4	Dự án điện gió Hướng Sơn 3	200,00	250,00
5	Dự án nhà PC3-INVEST	1.000,00	11.500,00
6	Dự án SCADA nhà máy thủy điện Đăk Pône	3.300,00	0,00
	Tổng cộng	60.123,00	231.698,00
	<i>Trong đó: - Vốn tự có</i>	<i>9.453,00</i>	<i>14.250,00</i>
	<i>- Vốn góp</i>	<i>30.000,00</i>	<i>75.000,00</i>
	<i>- Vốn vay</i>	<i>20.670,00</i>	<i>142.448,00</i>

b.3. Phương án chi trả cổ tức năm 2018 và chào bán cổ phiếu năm 2019

ĐHĐCĐ thống nhất phương án chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu và chào bán cổ phiếu năm 2019; ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế để phê duyệt chi tiết các phương án này, với nội dung chính sau:

b.3.1. Phương án chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu:

- Mục đích phát hành cổ phiếu: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018.
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.031.106 cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 30.311.060.000 đồng (Ba mươi tỷ, ba trăm mười một triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng).
- Tỷ lệ phát hành: 10%.
- Nguồn vốn: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.
- Thời gian: từ quý II/2019 (thời gian phát hành cụ thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi được UBCKNN cho phép).

- Phương án làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ: số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, phần cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ được xử lý bằng cách hủy bỏ.

b.3.2. Phương án chào bán cổ phiếu năm 2019:

- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu để huy động vốn để thực hiện kế hoạch ĐTXD năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020.
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 7.468.894 cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 74.688.940.000 đồng (Bảy mươi bốn tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Thời gian phát hành: từ quý II/2019 (thời gian phát hành cụ thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi được UBCKNN cho phép).

- Đối tượng phát hành cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu của Công ty. Trường hợp cổ đông hiện hữu không mua hết thì ủy quyền cho HĐQT Công ty tìm nhà đầu tư để phát hành cổ phiếu còn thừa.

- Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh mức chào bán cổ phiếu phù hợp với thực tế nhưng không vượt kế hoạch chào bán cổ phiếu đã nêu trên.

b.3.3. Giao cho HĐQT căn cứ kết quả phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2018 và chào bán cổ phiếu năm 2019 để điều chỉnh vốn điều lệ được nêu trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với số vốn thực tế huy động được.

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC theo nội dung tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../.../2019 của Hội đồng quản trị.

3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2018 về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018 về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong hai đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC và Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019 theo nội dung tại Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 28/2/2019 của Ban kiểm soát.

6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 theo nội dung tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../.../2019 của Hội đồng quản trị.

7. Thông qua kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2019 của HĐQT và BKS theo nội dung tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../.../2019 của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người có liên quan của Công ty có trách nhiệm căn cứ nghị quyết thi hành.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Tổng giám đốc;
- Ban kiểm soát;
- Đăng Website Cty;
- Lưu.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Ngô Tấn Hồng